

NGUYỄN THỊ BẢY - PHẠM LAN OANH

VĂN HÓA ẨM THỰC

QUA CÂU ĐỐ NGƯỜI VIỆT



ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

NGUYỄN THỊ HẠ

VĂN HÓA ẨM THỰC QUA CÂU ĐỐ NGƯỜI VIỆT

Đã được Nhà xuất bản Văn hóa
Việt Nam chấp thuận đăng ký bản quyền

Hà Nội, 1981

VĂN HÓA ẨM THỰC QUA CÂU ĐỐ NGƯỜI VIỆT

NGUYỄN THỊ HẠ
(Quê: TUYÊN QUANG)

HOÀNG PHƯƠNG

Đã được Nhà xuất bản Văn hóa
Việt Nam chấp thuận đăng ký bản quyền

QUỐC GIA VIỆT NAM
THƯ VIỆN QUỐC GIA

**Biên mục trên xuất bản phẩm của
Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Nguyễn Thị Bảy

Văn hóa ẩm thực qua câu đố người Việt / Nguyễn Thị Bảy,
Phạm Lan Oanh. - H. : Chính trị Quốc gia, 2014. - 192tr. ; 21cm

Thư mục: tr. 186-189

1. Văn hoá ẩm thực 2. Câu đố 3. Người Việt

394.109597 - dc23

CTB0224p-CIP

Mã số: KV5
 CTQG - 2014

NGUYỄN THỊ BẢY – PHẠM LAN OANH

VĂN HÓA ẨM THỰC QUA CÂU ĐỐ NGƯỜI VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2014

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Kho tàng câu đố dân gian Việt Nam là một thế giới quan sinh động, diễn tả các sự vật, hiện tượng với hình thức phong phú và hấp dẫn. Bằng việc chỉ ra những đặc điểm nổi bật của một sự vật, hiện tượng hay một sự kiện lịch sử mà người đọc có thể phân tích, phán đoán, liên tưởng về nó. Sự liên tưởng trong câu đố thường bất ngờ, dí dỏm và mang nhiều màu sắc khác nhau.

Cuốn sách *Văn hóa ẩm thực qua câu đố người Việt* do Nguyễn Thị Bảy và Phạm Lan Oanh biên soạn, tiếp cận nghiên cứu câu đố dân gian của người Việt được sưu tầm, sưu tập tới năm 1945 thể hiện trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt (tập 3)* về *Câu đố* do PGS. TS. Trần Đức Ngôn biên soạn, Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 2005.

Cuốn sách nghiên cứu vấn đề ẩm thực xét ở những khía cạnh như: đồ vật liên quan đến việc nấu nướng, chế biến thức ăn; các nguồn lương thực, thực phẩm; các món ăn, đồ uống, thức hút cũng như các hoạt động lao động sản xuất, hoạt động nghề nghiệp và sinh hoạt thường ngày liên quan đến văn hóa ẩm thực dân gian, v.v.. Qua đó, phác họa nên bức tranh về ẩm thực Việt Nam.

Hy vọng cuốn sách là tài liệu tham khảo bổ ích cho các nhà nghiên cứu về văn hóa ẩm thực và cho những ai quan tâm đến văn hóa ẩm thực Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 5 năm 2014

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

MỞ ĐẦU

Văn hóa ẩm thực là một trong những đối tượng nghiên cứu của văn hóa học, được thể hiện dưới những góc tiếp cận khác nhau.

Về ứng dụng văn hóa ẩm thực thì rõ ràng, các sách hướng dẫn, đọc thêm, tham khảo, giới thiệu về các món ăn, các nhà hàng, khách sạn, địa điểm ẩm thực, các lớp hướng nghiệp, dạy nghề, thậm chí các làng nghề đặc sản... phong phú và đa dạng đã được xuất hiện và mang lại nhiều hiệu quả thiết thực cho xã hội, trong đó bao gồm cả việc quảng bá nền văn hóa ẩm thực Việt Nam ra khắp nơi trên thế giới.

Ở tầm nghiên cứu lý luận kết hợp với nghiên cứu thực tiễn, như đã có dịp trình bày về văn hóa ẩm thực ở các công trình nghiên cứu trước đây của chúng tôi như: *Quà Hà Nội, Đồ gốm trong văn hóa ẩm thực Việt Nam, Văn hóa ẩm thực Hà Nội...* mới được tiến hành ở Việt Nam trong khoảng 2 - 3 thập kỷ trở lại đây, tức là vẫn còn rất nhiều khoảng cách trống so với tình hình nghiên cứu văn hóa ẩm thực trên thế giới.

Dưới góc độ văn bản học và văn hóa dân gian người Việt thể hiện văn hóa ẩm thực qua câu đố dân gian, chúng tôi nhận thấy các câu đố loại này tập trung và chiếm tỷ trọng lớn so với các câu đố khác loại và so với nhiều loại hình văn học dân gian khác. Mặc dù vậy, mảng đề tài này chưa được khai thác. Đây là lý do để chúng tôi tiến hành nghiên cứu về văn hóa ẩm thực qua câu đố dân gian người Việt, tri thức qua ngôn ngữ truyền miệng và tính lan truyền tri thức về cách thức ứng xử liên quan đến ẩm thực và cả nhu cầu giải trí, vui vẻ, sáng khoái... cũng có thể tìm thấy trong các câu đố dân gian, về vật dụng nấu nướng, về đồ ăn thức uống, về hoạt động nghề nghiệp, sản xuất... rất gần gũi với đại chúng trong các cộng đồng cư dân.

Cuốn sách chú trọng đến mảng câu đố người Việt¹ liên quan đến ẩm thực xét ở những khía cạnh như đồ vật liên quan đến việc nấu nướng, chế biến thức ăn; các nguồn lương thực thực phẩm; các món ăn, đồ uống, thức hút cũng như các hoạt động lao động sản xuất, hoạt động nghề nghiệp và sinh hoạt thường ngày liên quan đến văn hóa ẩm thực dân gian v.v.. Tìm hiểu các câu đố của người Việt, để qua đó, phác họa chân dung về văn hóa ẩm thực. Dĩ nhiên, nét phác họa này không phải là bức tranh đầy đủ về văn hóa ẩm thực Việt (Việt Nam), nhưng hy vọng rằng, nét đặc sắc của văn hóa ẩm thực qua câu đố được truyền

1. Xem PGS.TS. Trần Đức Ngôn: "Câu đố", in trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, t.3, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.

lại từ các thể hệ trước sẽ cho ta những nhận biết về sự gắn bó chặt chẽ giữa văn hóa ẩm thực với thể loại văn học dân gian đặc biệt này.

Đối tượng nghiên cứu của công trình là văn hóa ẩm thực người Việt thông qua phạm vi nghiên cứu các câu đố dân gian người Việt. Các câu đố dân gian này giới hạn ở sưu tầm, sưu tập tới năm 1945. Cụ thể, chúng tôi chỉ tập trung khai thác nội dung câu đố thể hiện trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (tập 3) về *Câu đố* do PGS.TS. Trần Đức Ngõn biên soạn, Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 2005.

*

* *

Câu đố dân gian nói chung là một thể loại đặc thù, do đó, từ trước tới nay, việc nghiên cứu câu đố nói chung còn chưa đi sâu vào nhiều dạng của đời sống tinh thần. Hơn nữa, nghiên cứu câu đố dân gian dưới góc độ tiếp cận qua lăng kính văn hóa ẩm thực, là công việc chưa được các nhà khoa học quan tâm nhiều. Mảng trống này cần kịp thời bổ cứu theo tinh thần văn hóa phát triển mà văn hóa ẩm thực là một loại đề tài quan trọng thể hiện việc đáp ứng tinh thần ấy.

Cuốn sách gồm ba chương:

Chương I: Tổng quan về câu đố dân gian người Việt

Chương II: Nội dung ẩm thực qua câu đố

Chương III: Nghệ thuật câu đố về ẩm thực

Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Viện Văn hóa Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã tạo điều kiện để công trình được hoàn thành. Rất mong nhận được những ý kiến góp ý, trao đổi của các bạn bè đồng nghiệp và bạn đọc xa gần để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Trân trọng cảm ơn!

Các tác giả

NGUYỄN THỊ BẢY - PHẠM LAN OANH

Chương I

TỔNG QUAN VỀ

CÂU ĐỐ VÀ VĂN HÓA ẨM THỰC NGƯỜI VIỆT

1. Thuật ngữ câu đố

Danh từ câu đố được sử dụng từ lâu và phổ biến trong dân gian với hàm nghĩa chỉ một loại hình sáng tác của folklore như là hiện tượng tự nhiên trong đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc. Danh từ câu đố được các nhà nghiên cứu folklore tiếp nhận và trở thành tên gọi của một tiểu loại văn học dân gian mà không có sự tranh luận gay gắt mang tính học thuật nào đáng kể.

Câu đố ra đời từ rất sớm. Khó có thể ấn định một thời gian cụ thể để đánh dấu sự ra đời của câu đố. Nhưng có thể khẳng định rằng, khi ngôn ngữ phát triển, khi nhu cầu hiểu biết thế giới xung quanh trở thành một đòi hỏi thường ngày, thì khi đó, câu đố ra đời.

Arixtốt đã xếp câu đố vào lĩnh vực “sự bất chước có tính nghệ thuật”. Do vậy Arixtốt đã định nghĩa: “Câu đố là một kiểu ẩn dụ hay” và coi cái hay đặc biệt của câu đố ở chỗ

“trong khi nói về cái tồn tại thực tế, câu đố đồng thời kết hợp với cả cái hoàn toàn không thể có được”¹.

Về phía các nhà nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam, quan niệm về câu đố của họ cũng không đi chệch hướng nghiên cứu của các bậc tiền bối. Tác giả Vũ Ngọc Phan cho rằng: “Câu đố là một loại hình sáng tác phản ánh các sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan theo lối nói chệch (nói một đằng hiểu một nẻo)”². Quan niệm này nhấn mạnh cách nói *chệch* trong câu đố.

Tác giả Nguyễn Văn Trung, quan niệm về câu đố dựa trên hai mặt: mặt cấu tạo và mặt xã hội. Về mặt cấu tạo, câu đố có cấu trúc của một đối thoại gồm hai phần: lời đố và lời giải. Lời đố là một câu hỏi dưới hình thức: tên vật có những hình dáng, đặc điểm, công dụng này hay tên vật giống như vật được nói ra là gì? Như vậy câu đố là một định nghĩa, xét theo nội dung dựa trên khái niệm căn bản: *tương tự*.

Về mặt xã hội, câu đố là một cuộc chơi sử dụng đồ chơi là hình ảnh, từ và ý nghĩa, là một cách chơi chữ nhằm mục đích giải trí tinh thần vui vẻ. Thay vì chỉ đưa ra một định nghĩa, ông đề nghị đưa ra nhiều định nghĩa tùy theo phương diện nhìn vấn đề hoặc nhiều chiều của đối tượng. Bởi theo ông những định nghĩa này không nhằm bày tỏ thực chất hay yếu tính của câu đố vì bản

1, 2. Vũ Ngọc Phan, Tạ Phong Châu, Phạm Ngọc Hy: *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1977, t.1, tr.244, 257.

chất hay yếu tính của câu đố là siêu hình không ai kiểm nghiệm được. Cái có thể kiểm nghiệm và quan sát được ở đây chỉ có thể là những sự mô tả yếu tố cấu tạo của câu đố mà thôi.

Câu đố là một sinh hoạt tập thể, chứ không phải cá nhân, câu đố rèn luyện óc quan sát, óc lý luận nhằm mở mang phát triển trí thông minh¹.

Tác giả Nguyễn Đình Trúc và Huệ Nguyên lại cho rằng, câu đố là một thể loại văn học dân gian, một trò chơi sử dụng từ ngữ, hình ảnh đầy trí tuệ. Nó đòi hỏi những người tham gia trò chơi phải có óc phán đoán và vốn kiến thức sâu rộng². Tác giả Ninh Viết Giao cho rằng, câu đố bình thường được tạo nên từ hai thành phần của câu đố và lời giải. Phạm vi của vật đố là những sự vật, hiện tượng có tính chất phổ quát, gần gũi ai cũng biết và lời đố có cùng một phong cách để biểu đạt hay đặc điểm thể loại³.

Từ điển thuật ngữ văn học viết: Câu đố là một thể loại văn học dân gian mà chức năng chủ yếu là phản ánh đặc điểm các sự vật, hiện tượng bằng phương pháp giấu tên và nghệ thuật chuyển hóa gây nhiễu (chuyển vật nọ thành

1. Xem Nguyễn Văn Trung: *Câu đố Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1986.

2. Xem Nguyễn Đình Trúc, Huệ Nguyên: *Câu đố Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, 2000.

3. Xem Ninh Viết Giao (sưu tầm): *Câu đố Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990.

vật kia) được nhân dân dùng trong sinh hoạt tập thể để thử tài suy đoán, kiểm tra sự hiểu biết, mua vui¹.

Từ điển Việt Nam cho biết: *Câu đố* là câu văn vần mô tả người, vật, hiện tượng một cách lắt léo hoặc úp mở, dùng để đố nhau².

Tác giả Triều Nguyên cho rằng, câu đố là một thể loại văn học dân gian, gồm hai bộ phận: bộ phận lời đố và bộ phận lời giải. Lời đố bằng văn vần nhằm miêu tả vật đố một cách sát thực, hợp lẽ nhưng làm cho lạ hóa để khó đoán nhận. Lời giải nêu tên vật đố là những sự vật, hiện tượng phổ biến ai cũng từng hay, từng biết³.

Trong đời sống, câu đố, câu đối có khi được hiểu gần như nhau theo nghĩa: đố/giải, đố/đá, đố/đối.

Nhìn chung, trên bình diện thể loại, câu đố bao gồm nhiều tình huống khác nhau: đố về sự vật, địa lý, đố chữ, nhưng cũng chỉ là một tiểu loại của folklore. Câu đố từ lâu đã trở thành một thuật ngữ khoa học được giới nghiên cứu công nhận là tên gọi của một tiểu loại văn học dân gian.

2. Một vài đặc trưng của câu đố

Mục đích của việc xác định đặc trưng, thể loại của câu đố là để nhận diện nó từ phía bản chất cũng như hình thức thể hiện. *Câu đố có hai đặc trưng cơ bản:*

-
1. Xem *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1986.
 2. Xem *Từ điển Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980.
 3. Xem Triều Nguyên: *Câu đố người Việt về tự nhiên*, Nxb. Thuận Hoá, 2007.

- Câu đố là một trò chơi trí tuệ bằng ngôn từ: Đời sống dân gian có nhiều trò chơi trí tuệ, trong đó có câu đố. Trò chơi trí tuệ trong câu đố có những đặc điểm riêng: Câu đố cung cấp cho con người một vốn tri thức phong phú, đa dạng về thế giới khách quan. Câu đố còn có tác dụng tạo cho con người một khả năng suy luận lôgic và khả năng tưởng tượng¹. Đặc trưng này thể hiện bản chất văn hóa xã hội của câu đố và cũng là chức năng thể loại của nó. Mục đích của câu đố là phát triển và hoàn thiện trí tuệ của con người. Vì vậy, giá trị nhận thức của câu đố khá cao.

- Câu đố là một bài toán đặc biệt: Xét về mặt hình thức, ta có thể coi câu đố là một bài toán đặc biệt. Đặc trưng toán của câu đố được thể hiện qua hai yếu tố: dữ kiện và lời giải. Dữ kiện là những yếu tố cho trước, chủ yếu là mô tả sự vật theo các đặc điểm bên ngoài, bên trong, sự phát triển, nguồn gốc, sự sử dụng, tên gọi dưới hình thức khác. Lời giải là mục đích của sự tìm kiếm. Kết thúc trò chơi trí tuệ bao giờ cũng là việc tìm ra lời giải đúng. Đặc trưng này thể hiện bản chất nghệ thuật của câu đố. Đây cũng là tiêu chí nhận diện của câu đố.

a) Đặc điểm lời đố và vật đố

Có thể thấy, các định nghĩa về câu đố đều chú ý tới đặc điểm cấu tạo của câu đố. Câu đố bao gồm hai bộ phận: lời đố và vật đố.

1. Xem Trần Đức Ngôn: *Câu đố* in trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, t.3, *Sđđ*.

- *Lời đố:*

Lời đố nêu đặc điểm, thuộc tính hay phẩm chất của vật đố một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

Có lời đố miêu tả hình dáng của sự vật, ví dụ:

Bánh gì mà lại bọc trong bọc ngoài?

(Bánh bao)

Bánh gì sống ở ao cùng rong rêu?

(Bánh bèo)

Có lời đố nêu nguồn gốc của sự vật:

Cây xanh mà giống đố xanh

Giồng đậu, giồng hành lại thả lợn vô.

(Bánh chưng xanh)

Có lời đố nêu chức năng của vật:

Mình mặc áo lá

Da trắng như bông

Thắt giải lưng hồng

Thờ ba ngày tết.

(Bánh chưng)

Cũng có khi một vật đố có nhiều lời đố. Mỗi lời đố lại chú ý tới đặc điểm khác nhau của sự vật.

- *Vật đố*

Vật đố - đối tượng phản ánh của câu đố, là các sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan và phần lớn là ở nông thôn có liên quan mật thiết đến công việc lao động, sinh hoạt hàng ngày của người lao động, đặc biệt liên

quan tới lĩnh vực ẩm thực. Chẳng hạn như các món ăn, các loại đồ uống, đồ hút, các loại đồ vật ẩm thực và các kiến thức ẩm thực, v.v.. Trong thiên nhiên, đối tượng quan sát của câu đố là các thực thể tự nhiên như trăng, sao, mặt trời; các loài động vật, thực vật... Tất cả đối tượng quan sát của câu đố đều có tính chất *hiện thực - cụ thể, trực quan*.

b) Phân loại câu đố

Các nhà khảo cứu thường phân biệt ba loại câu đố: câu đố bằng hình vẽ, câu đố bằng hành động và câu đố bằng lời (tiếng, chữ). Qua nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Trung cho thấy, ở Việt Nam ít xuất hiện hai loại câu đố bằng hành động và câu đố bằng hình vẽ mà chỉ *thịnh hành câu đố bằng lời*.

Về phân loại câu đố, dựa vào kỹ thuật tạo câu đố, chúng tôi nhấn mạnh đến hai loại câu đố: Câu đố trực tiếp và câu đố gián tiếp.

- Câu đố trực tiếp

Câu đố trực tiếp là loại câu đố không sử dụng đến kỹ thuật so sánh, ẩn dụ hay bất cứ một phương tiện tu từ nào khác ngoài việc miêu tả sự vật đúng với những gì nó có. Chẳng hạn đố về cây rau sam:

*Lá xanh cành đỏ hoa vàng
Hạt đen, rễ trắng, đố chàng biết chi?*

(Rau sam)

Hay đổ về trạng thái đang hoạt động của con gà trống là loại câu đổ dùng phương pháp miêu tả trực tiếp:

*Con chi mào đỏ, lông mượt như tơ
Sáng sớm tinh mơ gọi người ta dậy.*

(Gà trống)

- *Câu đổ gián tiếp*

Câu đổ gián tiếp là câu đổ sử dụng các kỹ thuật ví, so sánh, ẩn dụ trong việc xây dựng hình ảnh đổ của vật đổ. Ví dụ so sánh dùng các từ: *như, là, bằng, vừa bằng...*

Vừa bằng lá tre, le the mặt nước.

(Con đĩa)

So sánh không dùng từ: *như, là, bằng...* Đây là những ẩn dụ:

*Bốn cột đình rinh tảng đá
Hai ông tướng tá đi trước vung gươm
Hai bà đi sau quạt hâu lia lia.*

(Con trâu)

Có khi vừa ẩn dụ, vừa so sánh:

*Mình đen như quạ, da trắng như bông
Giữa thất cổ bông, đít đeo nôi nước.*

(Chõ xôi)

c) *Hoàn cảnh sử dụng câu đổ*

Tác giả Nguyễn Văn Trung nhấn mạnh ba nhân tố của hoàn cảnh sử dụng câu đổ là: *con người, không gian*

và *thời gian sử dụng*. Dựa vào ba nhân tố này, người ta chia hoàn cảnh sử dụng câu đố thành hai loại: loại không có tổ chức và loại có tổ chức.

Loại *không có tổ chức* muốn nói đến số lượng người tham gia ít nhất phải có hai người, nhiều là từ năm đến sáu người trở lên.

Tuỳ lúc, tuỳ nơi, lúc đi làm việc ngoài đồng ruộng, lúc học chữ, lúc nhàn rỗi, ban ngày hay ban chiều, khi ngồi năm tụm ba ngoài hè, bất cứ lúc nào người ta cũng có thể đố nhau. Hoàn cảnh sử dụng thông thường phổ biến hơn cả là buổi tối sau khi ăn cơm, nhất là lúc trời rét mưa phùn, người trong nhà quây quần bên nhau nghe kể chuyện cổ tích hay ra đố hoặc tự sáng tạo ra những câu đố mới.

Loại *có tổ chức* là loại đòi hỏi một số điều kiện về tổ chức và vật chất, khi đó câu đố được sử dụng như một sự trình diễn. Chẳng hạn câu đố trong tuồng, chèo chỉ được nói ra khi diễn kịch trên sân khấu, do những vật đóng vai hề diễn. Ngoài ra, câu đố còn được sử dụng có tổ chức như *thai chợ*. *Thai chợ* có nghĩa là những người hành nghề ra câu đố chọn một chỗ ngồi, nơi thường có đông người qua lại như chợ, bến đò, quán ăn, họ bày ra một số trò chơi, sau đó anh ta bắt đầu rao câu đố bằng cách hát lên để lôi cuốn người đến xem và tham dự cuộc chơi. Ở một số tỉnh miền Nam, vùng đồng bằng sông Cửu Long có tục tổ chức *thai đố* nhân ngày lễ cúng thần của làng vào rằm tháng riêng âm lịch mỗi năm.

Trong hai loại hoàn cảnh trên, loại hoàn cảnh không có tính tổ chức thường gặp trong cuộc sống sinh hoạt của người lao động.

3. Văn hóa ẩm thực người Việt

Ẩm thực được hiểu nôm na theo nghĩa đen là việc ăn, uống, hút của con người. Nghĩa là tiêu thụ, tiêu hóa đồ ăn thức uống qua miệng, để từ đó sẽ sản sinh các dưỡng chất nuôi sống cơ thể.

Văn hóa ẩm thực người Việt bao hàm không chỉ đơn thuần là đồ ăn, thức uống, cách chế biến mà còn là những ứng xử liên quan đến ăn uống, những sự giao lưu văn hóa, những tập quán, phong cách ăn uống nhằm để phân biệt cộng đồng này với cộng đồng khác.

Ẩm thực vốn là một thành tố văn hóa. Tuy nhiên, nói đến văn hóa ẩm thực cũng có nghĩa là tiếp cận thành tố đó ở một góc nhìn rộng hơn, đa diện hơn. Đó chính là góc nhìn văn hóa học như: ẩm thực với tín ngưỡng tôn giáo, ẩm thực với phong tục tập quán, ẩm thực theo phong cách dân gian, ẩm thực với âm dương, ngũ hành, tương hợp, tương khắc... Do đó, khi nói đến ẩm thực ở góc nhìn văn hóa thì không chỉ đơn thuần là nói về kỹ thuật chế biến món ăn, mà chủ yếu là nói đến những giá trị văn hóa, những cảm xúc thẩm mỹ và đặc biệt là nói đến quan hệ ứng xử giữa con người với ẩm thực.

Ăn uống là một nhu cầu bản năng của con người. Để thích nghi với môi trường, người ta ăn để sống. Ăn uống đồng thời cũng là một nhu cầu văn hóa. Dân gian xưa có

câu: “Học ăn, học nói, học gói, học mở”. Ăn - nói được xếp vào loại hàng đầu trong công việc dạy và học. Do đó, ăn uống cũng được gắn với bản sắc văn hóa của cộng đồng người; đồng thời cũng là ứng xử xã hội của con người. Là con người, đương nhiên sẽ gắn kết với nhu cầu đó.

Với người Việt, ăn uống luôn gắn với nếp sống văn hóa của con người. Không ít lời ca dao xưa đã ghi nhận nếp sống văn hóa thể hiện qua việc ăn uống như: “Lời chào cao hơn mâm cỗ”, hay: “Chả được miếng thịt miếng xôi thì được lời nói cho tôi bằng lòng”...

Nghiên cứu ăn uống là một đề tài rất rộng. Chúng ta có thể đi sâu vào từng mặt, từng khía cạnh của vấn đề. Ở đây cũng cần phải xem xét những ảnh hưởng của *yếu tố địa lý, môi trường, cấu trúc xã hội đến các món ăn*.

Trong cuốn sách này, chúng tôi chú ý đến các thành tố chung trong ẩm thực. Chúng tôi cố gắng vận dụng các phương pháp tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu câu đố trong văn hóa nói chung và trong ẩm thực nói riêng và chỉ xét trên văn bản tư liệu tập 3 của *Tổng tập văn học dân gian người Việt* để tìm hiểu về văn hóa ẩm thực.

*

* *

Dưới góc nhìn của một thể loại văn học dân gian người Việt, câu đố không đơn thuần chỉ là trò chơi trí tuệ mà nó còn là một hiện tượng văn hóa dân gian mang trong đó nhiều nội dung phản ánh đời sống của người dân trong lịch sử văn hóa dân tộc. Câu đố còn đồng thời là một dạng trí tuệ dân gian được gạn lọc và lạ hóa, nhờ đó, khi đi vào

đời sống dân gian thì không chỉ cung cấp kiến thức một cách đơn giản trực tiếp, mà nó còn là cách cung cấp tri thức ngắn gọn, lạ lùng, hấp dẫn đối tượng người nghe để từ đó phát sinh sự tò mò, chú ý và thúc đẩy ước muốn tìm tòi câu trả lời hợp lý, đúng đắn. Khi các câu đố gắn với một lĩnh vực nhất định - lĩnh vực ẩm thực thì thông qua ngôn ngữ, lời đố mang trong nó nhiều thông điệp lý thú.

Chương II

NỘI DUNG ẨM THỰC QUA CÂU ĐỐ

Với cách tiếp cận văn hóa ẩm thực từ ngữ liệu câu đố thể hiện trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*¹, căn cứ vào các đặc trưng chính của câu đố, chúng tôi nhận thấy nội dung ẩm thực được phản ánh qua câu đố gồm 7 khía cạnh được chi tiết hóa trong nội dung của Chương II.

1. Câu đố về thực thể và các hiện tượng tự nhiên liên quan đến ẩm thực

Câu đố mang nội dung về thực thể và hiện tượng tự nhiên gồm 185 câu. Những hiện tượng thiên nhiên chứa đựng những yếu tố văn hóa ẩm thực luôn luôn xuất hiện trong nội dung các câu đố. Theo khảo sát của chúng tôi,

1. PGS.TS. Trần Đức Ngôn: *Câu đố*, in trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, t.3, *Sđđ*.

số lượng câu đố đề cập đến các hiện tượng thiên nhiên liên quan đến đề tài ẩm thực như: cát, cầu vồng, cồn, dầu, đá, rừng, biển, gió, không khí, lửa, sấm, sóng, mây, sông, núi, trời, quả đất, nước, sao, mưa, trăng.

Hiện tượng thiên nhiên không đưa vào tham khảo: chớp và sét, nắng, ngũ hành, rằm.

Chúng tôi lọc ra những câu liên quan đến vấn đề đang bàn gồm:

- Có 5 câu đố về cát nhưng chỉ có 1 câu liên quan tới ẩm thực. Rất lạ là hạt cát xuất hiện trong câu đố được ví von so sánh với hạt cải, hạt vừng:

Nhỏ bằng hột cải

Lớn bằng hột vừng

Không dầu không chân

Ở sông ở biển.

(Hạt cát)

- Có 1 câu đố về cái cồn. Cồn đất được ví von như con bò mộng nằm trong ruộng:

Bằng con bò nằm co dưới ruộng.

(Cái cồn)

- Có 1 câu đố về dầu (dầu thắp, dầu hỏa) đề cập tới những hành động của nhà bếp: chặt, bứt, đốt, cháy, cạn, phơi, khô, ráo:

Chặt không đứt, bứt không rời

Đốt thời bùng cháy, cháy rồi cạn khô.

(Dầu hỏa)

- Có 2 câu đố về đá, trong đó có 1 câu thuộc diện quan tâm của cuốn sách:

Màu trắng trắng, chất xốp mềm

Nước vào thì sủi bọt lên tức thì.

(Đá vôi)

- Có 7 câu đố về đất. To lớn như quả đất cũng được nhìn như một thực thể sinh động gắn với ẩm thực. Ở đây là đồng hành “ăn cùng”:

Một mẹ mà đẻ tám con

Bốn con bạc bụng, ba con xanh đầu

Còn một con nữa chia nhau ăn cùng.

(Quả đất)

Và trái đất cũng là một loại quả, loại quả đặc biệt, rất to lớn nhưng cũng rất bé nhỏ gần gũi với con người:

Quả gì chứa đủ năm châu

Quả gì to nhất trên đời

Có biển, có đất, có trời bao la?

(Quả đất)

Trái gì tròn tựa trái cà

Trong ruột nóng bỏng, ngoài da lạnh dần.

(Quả đất)

Quả gì to nhất?

Cây gì dài nhất?

(Quả đất, cây số)

- Có 13 câu đố về núi (bao gồm cả núi, đồi, gò, núi non, núi đá vôi), nhưng chỉ có 5 câu liên quan trực tiếp tới vấn đề đang bàn. Núi cũng được coi là một loại quả đặc biệt vì tính chất đặc biệt của nó (non, già, nung thì chín), đó là quả của *dài lâu* chứ không dễ gì *ăn ngay*. Điều ví von này tương tự như món *mâm đá* trong truyện cười dân gian Việt Nam.

Cây cao ngàn trượng

Nấu thì sống, nung thì chín.

(Núi đá vôi)

Có chân mà chẳng có tay

Không xương mà vẫn đủ ngay cả sườn

Quả gì sao đến lạ thường

Không cây nào có, không vườn nào ươm.

(Quả núi)

Hỏi bao nhiêu tuổi mà già

Hỏi bao nhiêu tuổi nữa gọi là còn non.

(Quả núi)

Là quả có ăn được đâu

Muốn lên thì phải leo trèo hết hơi

*Đã cao lên đến tận trời
Mà trông như cứ đang ngồi lặng im.*

(Quả núi)

*Quả gì muôn kiếp dài lâu
Sừng sững trên đầu, đá xếp xưa nay.*

(Quả núi)

Núi cũng là nơi bao chứa nhiều thú dữ bên trong (thú rừng).

Bản khác:

*Lấm liệt uy phong
Mây ngàn che phủ
Bao nhiêu điều thú
Bắt nhốt vào trong.*

(Quả núi)

- Đố về rừng có 1 câu đố và nội dung tương tự như câu đố về núi:

Bao nhiêu thú dữ đều ở trong lòng.

(Rừng)

- Có 2 câu đố về lửa - nguồn năng lượng để phục vụ chế biến ẩm thực. Đố về lửa, chúng ta bắt gặp hình ảnh lửa như con người với những bản tính khá quen thuộc:

*Có ngọn không có gốc
Tính nóng bốc phừng phừng
Da dẻ đỏ hồng hồng
Thích ăn than, ăn củi.*

(Lửa)

Tác dụng của lửa đối với con người, nuôi sống con người được câu đố chỉ dẫn tín hiệu rất rõ rệt:

*Là một trong năm hành
Phá tan rừng rậm sạch sành là xong
Con người không có khó lòng
Ắt là rã ruột chẳng không vậy mà.*

(Lửa)

- Có 13 câu đố về mây, bao gồm: mây, mưa, đám mây, cây mây, mây mắt (nháy/máy mắt). Có 4 câu đố đề cập tới chủ đề ẩm thực được nêu ra. Nhìn lên trời, cùng với những hiện tượng thiên nhiên khác, đám mây cũng là một đối tượng của câu đố phản ánh có liên quan đến những gợi ý về một loài vật có thể trở thành món ăn thú vị của ẩm thực:

*Chó đâu chó ở trên trời
Không sủa, không cắn, dạo chơi khắp miền.*

(Mây chó)

Mây và nước mưa xuất hiện trong câu đố cùng những gợi ý rất thú vị:

*Quê hương ai ở trên trời
Hết lang thang lại tôi bởi thịt da
Đứa nuôi thảo mộc, đứa ra giang hà
Bao giờ trở lại quê cha
Tơ trời xin kết cánh hoa mà về.*

(Mưa và nước mưa)

*Tiếng tăm thì ở trên trời
Song le cốt nhục ở nơi hàng rào*

(Đám mây, cây mây)

- Có 14 câu đố về mưa, bao gồm cả nước mưa, hạt mưa, mưa rơi, trận mưa. Hiện tượng mưa cũng có những liên tưởng, gợi ý rất chi tiết. Hạt mưa, cơn mưa được ví von như những loại quả, loại hạt trong tự nhiên và có thể sử dụng trong văn hóa ẩm thực như là trái, hột, hạt mò chó, dây nho, cây và lá,... có gậy, có bèo (mập, ú), nấu được, nhưng *nướng* thì không được:

*Bằng hạt mò chó, mó không cùng
Nung không cháy, xây không ra
Là không bẻ, bẻ không hết.*

(Mưa)

Bằng một dây nho, cả nhà đo không hết.

(Mưa rơi)

*Cây cao ngàn trượng, lá rụng tử tung
Nấu thì được, nướng không được.*

(Mưa rơi)

Bản khác:

*Cây cao ngun ngút, hột dột lon xon
Nấu ăn thì ngon, nướng không ăn được.*

(Mưa rơi)

Trái cao chót vót

Hạt vãi tử tung

Nấu thì được, nướng không ăn được.

(Mưa)

Cây cao ngun ngút

Lộp độp tàn tiêu

Anh đỏ chịt nhiều

Ra khỏi cửa lều

Nón tôi che kỹ.

(Mưa rơi)

Cũng gọi là hạt

Không cầm được đâu

Làm nên ao sâu

Làm nên hồ rộng.

(Hạt mưa)

Để một thì tròn

Kết lại thì dài

Ngàn hai trăm triệu

Kể số vô lượng

Không nường được đâu

Thì nấu được trâu (thôi).

(Hạt mưa)

Minh nó trắng trong, có hột dài dòng.

(Hạt mưa)

Gắn với hiện tượng mưa rơi, câu đố dân gian còn cho những thông tin rất ý nghĩa, có nhiều ví von hình ảnh rất thú vị:

Không có quả, không có cây

Thế mà có hạt rụng đầy nơi nơi

*Cỏ cây thấy rụng mà vui
Loài vật thấy rụng tìm nơi ẩn mình.*

(Trận mưa)

*Vừa tròn, vừa dài trăm hai mươi thước
Đánh lướt qua sông, đánh bông ngọn gạo
Đánh đạo đầu đình.*

(Trận mưa)

- Có 9 câu đố nói về nước (gồm cả nước, con nước, cửa sông, sự luân lưu của nước) - một báu vật của thiên nhiên - câu đố dân gian có những liên tưởng tới văn hóa ẩm thực rất rõ rệt. Rõ rệt bởi lẽ người ta không thể nhịn khát, không thể không ăn không uống. Tuy nhiên, vì bản chất câu đố gắn với nước là hiện tượng thiên nhiên (thời tiết) - mà những gợi ý đều mang tính gợi mở nên nghĩa bóng gắn với nước không thể quá xa rời nghĩa đen mà câu đố đề cập đến. Chúng ta thấy có những gợi ý như sau:

*Cái gì lòng ở quanh đây
Nặng lên kết cánh mà bay về trời
Lạnh thì lại trở xuống chơi
Chờ khi kịp nóng tức thời bay lên?*

(Nước, hơi nước, mưa)

*Chẳng phải sắt, chẳng phải đồng
Chém không đứt, mà ăn được.*

(Nước)

Chặt không đứt, bứt không rời
Phơi còn không ráo, đốt thời cháy đầu.
(Nước)

Bản khác:

... Phơi không khô, chum không đổ.
(Nước)

Con chi hình dáng lạ kỳ
Không chân mà chạy, mà đi, không giò.
(Con nước)

Bản khác:

Con chi hình rất lạ chi
Không chân mà đứng, không giò mà đi.
(Con nước)

Ăn sống ăn được
Ăn chín càng lành
Ngã từ cao xuống,
Không chết mà vẫn chạy nhanh.
(Nước từ thác đổ xuống)

Đặc điểm khoa học của các hiện tượng thiên nhiên (thời tiết) được phản ánh qua câu đố rất rõ nét. Sự luân lưu của nước, ráng chiều (cầu vồng) được câu đố phản ánh khách quan, khoa học nhưng hàm chứa chất nhân văn (văn học) gợi đầy hình tượng biểu cảm:

*Tôi từ hồ biển vẫy vùng
Lên cao cao mãi chín tầng mây xanh
Rồi tôi rơi xuống tan tành
Nuôi cây tắm đất nắng hanh lên trời.*

(Sự luân lưu của nước)

*Đang trưa không thấy mặt
Mai chiều lại lộ ra
Năm màu bảy sắc ai pha
Chừng như chóc lát trẻ già đi hoang.*

(Ráng)

- Có 10 câu đố về sao. Những câu đố về sao khá phong phú vì bao gồm cả các vì sao nói chung, sao Hôm, sao Mai, sao Thiên Nga, sao Bắc Đẩu, sao Mộc, sao Chổi, sao Thần Nông, sao Vượt, 28 vì sao - thập nhị bát tú. Phải chăng vì đối tượng phản ánh phong phú nên nội dung 10 câu đố về sao cũng đa dạng và hấp dẫn:

*Cây cao tám vạn nghìn hoa
Mưa dầm thì héo, nắng già lại tươi.*

(Sao)

Bản khác:

*Huy hoàng tám vạn nghìn hoa
Mưa dầm thì héo, nắng già thì tươi.
Khắp miền thiên hạ, bát vạn thứ hoa,
Mùa xuân thì héo, nắng già thì tươi.*

(Sao)

Câu đố về sao cũng có những liên tưởng đến cơ thể con người:

*Hai mươi tám con mắt
Ngàn vạn ức con người
Lơ lửng giữa vòm trời
Ai nhìn cũng thấy.*

(Hai mươi tám vì sao - thập nhị bát tú)

*Một người có hai mươi tám con mắt
Mỗi con mắt có muôn nghìn hạt châu
Ban ngày rủ rê chơi đầu
Ban đêm hội tụ trên lầu không gian.*

(Các ngôi sao)

Không những được ví von như một người mà các ngôi sao - vì tinh tú còn được ví von với các vật dụng quen thuộc với con người với những đặc tính rất rõ ràng: héo, tươi, cánh, đuôi, bầy gà trắng, đóa hoa, ngồng cải... với những ngôn từ gợi cảm:

*Hoa gì phỏng chở muôn xe
Mùa đông thì héo, mùa hè thì tươi.*

(Sao)

*Không có cánh mà có đuôi
Những toan dọn cả bầu trời sạch trong.*

(Sao Chổi)

*Một bầy gà trắng
Ăn tại núi ao*

Ban đêm lao xao

Ban ngày trốn mất.

(Các ngôi sao)

Tiếng gà gáy sớm thật tài

Gọi lên được đóa hoa nhài lung linh.

(Sao Mai)

Xinh như đóa hoa cải ngồng

Cứu nguy bao kẻ bênh bồng giữa khơi.

(Sao Bắc Đẩu)

- Có 2 câu đố về sấm. Tuy nhiên không chỉ sấm mà chớp, gió, mây, mưa, sét là những hiện tượng thiên nhiên đi kèm cũng phản ánh và gắn liền với nội dung các câu đố để làm nên một cụm câu đố hoàn chỉnh. Ví dụ:

Anh cả trên gác kêu vang

Anh hai thấp đèn sáng

Anh ba phi nước đại

Anh tư đội mũ trắng

Anh năm đổ nước đầy.

(Sấm, chớp, gió, mây, mưa)

Trống đánh thật khỏe

Đuốc lóe thật nhanh

Quạt khắp xa gần

Văng nước tung tóe.

(Sấm, chớp, gió, mưa)

- Có 2 câu đố về sóng xuất hiện với những liên tưởng khá gần gũi nhưng cũng không kém phần lạ lẫm khi con sóng được gọi là “chú y”.

*Chẳng già mà cũng bạc đầu
Ra sức đuổi nhau chạy vào bãi cát.*
(Sóng)

*Trời gằm chú y bò ra
Cái lưng chú y được ba mươi tằm.*
(Sóng)

- Sóng được thể hiện trong 4 câu đố. Tư duy dân gian liên hệ con sông chảy dài giống như con rắn - loài động vật trườn bò rất khéo. Đồng thời, con sông cũng được coi như động vật giống cái (con sông) và khéo léo dùng nghệ thuật chơi chữ để đố về con kinh/con kênh dẫn nước khi đánh đồng từ “kinh” có nghĩa là “tổn” theo cách nói thông tục (sợ hãi).

*Có lòng, không có bụng
Không chông lại có con.*
(Con sông)

Bản khác:

*Không có bụng mà có lòng
Không có chông mà lại có con.*
(Con sông)

*Giống rắn, không phải rắn
Giống rồng, không phải rồng
Muôn ngàn lớp vảy
Lúc trắng lúc hồng
Bò đi trên mặt đất
Quanh năm chỉ một dòng.*

(Con sông)

*Sấm rền, gió hú, mưa tuôn
Là mấy con rắn bò trườn đi chơi
Mở lòng trải rộng đi chơi
Mênh mông vẩy bạc, sáng ngời long lanh.*

(Con sông, con kính)

Nói lái, phương ngữ vùng miền:

*Một lần mà tôn tới già
Đừng đi nước mặn mà hà ăn chân.*

(Con kính)

*Cong cong như hai cái sừng
Đi đến lưng chừng thì phễnh bụng ra,
Đến năm tuổi tác về già
Cái bụng tẹt lét lại ra hai cái sừng.*

(Mặt trăng)

*Giữa chừng thì bảo em già
Đằng đầu đằng cuối bảo là còn non
Đi vòng quanh một tháng tròn
Em đi đi mãi hết non lại già.*

(Mặt trăng)

*Thân em thân nở mặt tròn
Người em vừa đẹp, vừa giòn, vừa xinh
Trách em sao khéo vô tình
Đêm đêm chỉ ngủ một mình trong cung.*

(Mặt trăng)

- Có 3 câu đố về biển, trong đó đề cập trực tiếp tới ẩm thực thì sự liên hệ thật cụ thể. Biển to lớn nhưng suy cho cùng cũng chỉ là một loại “nồi canh” hoặc tương tự như nồi canh cá của bữa ăn gia đình:

*Rõ ràng chẳng phải nồi canh
Thế mà vị mặn, nước xanh, cá nhiều.*

(Biển)

Câu đố còn gợi ý về biển như một sinh vật biết sinh con, có ngoại hình cụ thể và còn phản ánh cả tính tình của biển. Đây là những gợi ý cho câu trả lời mà không phải bất cứ người giải đố nào cũng có thể luận ra được:

*Có cửa mà không có nhà
Đến ngày mà để con ra mới tài.*

(Biển)

Con ở đây được biển đẻ ra là “con nước” - thủy triều lên xuống theo lịch mặt trăng khi có sự tương tác về sức hút giữa mặt trăng và trái đất/mặt biển.

*Mặt mày to lớn vô cùng
Trăm ngàn cái miệng môi hồng lưỡi thâm
Mùa hè đàn sáo ca ngâm
Mùa đông la hét ầm ầm đình tai.*

(Biển)

- Có 23 câu đố về trăng, gồm: mặt trăng, mặt trời, sao. Những câu đố chủ yếu miêu tả so sánh hình dạng mặt trăng, mặt trời và các vì sao bằng những ngôn từ dân gian như những gợi ý để người nghe tiếp nhận thông tin và tìm câu trả lời một cách nhanh chóng, chính xác:

Bằng trang cái đĩa

Đêm xía xuống ao.

(Mặt trăng)

Bằng cái đĩa

Xía xuống ao...

(Mặt trăng)

Bản khác:

Tròn như đĩa, xía xuống ao

Một trăm cái thuổng mà đào chẳng lên.

(Mặt trăng)

Tròn như cái đĩa mà xía xuống ao...

(Mặt trăng)

Bằng cái vung, vùng xuống ao

Đào không thấy, lấy không được.

(Mặt trăng)

Bản khác:

Vừa bằng cái vung

Vùng xuống ao

Đào chẳng thấy

Lấy không được.

(Mặt trăng)

Những câu đố về trăng còn phản ánh quá trình trăng tròn, trăng khuyết theo âm lịch (ngày sóc, vọng) được v von như cô gái đẹp tuổi thanh xuân và già đi theo năm tháng. Đồng thời, tư duy dân gian cũng liên tưởng quá trình này giống như sự đánh giá với núi và quả đất... *có non, có già, có sinh ra, có chết đi* nhưng theo quy luật *cả tử hoàn sinh* để trường tồn cùng trời đất:

*Cong cong như hai cái sừng
Đi đến lưng chừng thì phễnh bụng ra,
Đến năm tuổi tác về già
Cái bụng tẹt lét lại ra hai cái sừng.*
(Mặt trăng)

*Giữa chừng thì bảo em già
Đằng đầu đằng cuối bảo là còn non
Đi vòng quanh một tháng tròn
Em đi đi mãi hết non lại già.*
(Mặt trăng)

*Thân em thân nở mặt tròn
Người em vừa đẹp, vừa giòn, vừa xinh
Trách em sao khéo vô tình
Đêm đêm chỉ ngủ một mình trong cung.*
(Mặt trăng)

- Có 6 câu đố liên quan tới mặt trời mà gắn với chủ đề đang bàn. Mặt trời trong câu đố được nhìn dưới lăng kính ả m thực hiện ra là một loại bông (hoa) đặc biệt, mặt trời

tròn dỏ to như cái *nồi rang*, to đủ để cả làng *phơi thóc*... là những so sánh cụ thể và khá lý thú:

Cây không trồng mà trở hoa
Tưởng như gần mà lại xa muôn trùng
Khi nắng tươi thắm vô cùng
Khi mưa ử rữ hình dung héo xài
Có mặt mà chẳng có tai
Nhìn thì nhăn nhó chẳng ai muốn nhìn.

(Mặt trời)

Trên trời có một cái bông
Mưa sa thì héo, nắng hồng thì tươi.

(Mặt trời)

Cây cao muôn trượng ngàn trùng
Mưa thì hoa héo, nắng rònng hoa tươi.

(Mặt trời)

Bông hoa *mặt trời* này không dễ gì tiếp cận để trở thành *món ăn*, nhưng chắc chắn, sự ví von này liên quan trực tiếp đến việc *bếp núc*:

Bằng cái nồi rang
Cả làng phơi thóc.

(Mặt trời)

Bản khác:

Vừa bằng cái nồi rang
Cả làng phơi thóc.

(Mặt trời)

2. Câu đố về thực vật

Tổng cộng có 636 câu đố về thực vật, chúng tôi tạm chia thành bốn loại với số liệu tổng kết như sau:

a) *Loại cây, rau liên quan đến việc nấu nướng, chế biến món ăn:* dọc mùng, gừng, ớt, rau má, củ mài, rau mơ, óc chó, súp lơ, lựu, rau sam, thiên lý, củ từ, cải, muống, nấm, bầu, cà, lạc, vừng, gấc, sắn, mướp, hành, bí, ớt, khoai (cả 1 từ), đậu, lúa, ngô.

b) *Loại cây, rau, hoa quả có thể ăn rời hoặc tráng miệng, đồ uống, hút:* ấu, bông, chay, chôm chôm, lê, mận, trái mổi, quả ô môi, ổi, quất, quéo, thanh long, thanh yên, xa bô chê, trái xay, xoài, chè, lưu, măng cụt, na, quýt, sấu, vú sữa, chanh, me dốt, nhãn, thuốc lào/thuốc lá, mơ, vải, măng cầu, khế, dâu, bưởi, cam, dứa, mai, trầu, dứa, đu đủ, mía, mít, dừa, cau, chuối.

c) *Cây liên quan tới cảnh quan thiên nhiên:* Bàng, bằng lăng, bìm bịp, bồ kết, chỉ xác, chìa vôi, duối, gạo, góa, gỗ, lau, mây, móc, mồng rông, mua, nang, ngái, cây ngà, cây nhàu, cây nón, cây nín, cây hoa nở ngày, nứa, san hô, sặc, hoa sữa, thuốc xếp, vành nước, vẹt, quỳnh, sa mộc, cây thảo, tùng; hoa bướm, cúc, đuôi chồn, lan, loa kèn, mào gà, mẫu đơn, mười giờ, thủy tiên, trạng nguyên, vạn thọ, bèo, cách, cây đế/sung, lác, muống, sim, tâm gửi, tranh, thông, tơ hồng; hướng dương, bần, bông, hồng, mù u, phù dung, sung, sủng,

thị, xoan, gai, phượng; dạ hương, xương rồng, mắc cở, củ nâu, đào/điều¹, mạ², cỏ, tre.

d) *Cây trồng trong di tích - cây tâm linh*: đại, huệ, lá móng, ngâu, nhài, phật thủ, sen.

Với những cây liên quan đến phần di tích thiêng, ví dụ trầu, cau và các loại trái cây khác như đào, lê, nhãn, na, dứa, dứa, v.v. có thể trở thành vật phẩm dâng cúng trong đình chùa - chúng tôi không đưa vào danh mục tổng kết.

Tương tự như vậy, những loại cây và hoa thường xuất hiện nhiều nơi khác nhau, thì chúng tôi cũng không chọn đưa vào di tích. Ví dụ như: cau, trầu, hồng, tre, mẫu đơn, mào gà, tùng, thông, móng rồng, dạ hương v.v..

Trong phần câu đố về thực vật, chúng tôi nhận thấy nội dung lời đố nhiều khi xuất hiện tình huống cây cỏ được ví với con, ví với vật dụng ẩm thực. Nhiều từ ngữ, hình ảnh gợi đến món ăn, cách nấu nướng, cách thức ăn uống hoặc bản thân những từ ngữ chỉ sự ăn uống của con người.

1. Đào/điều cũng có thể xếp vào loại hoa quả tráng miệng vì còn gồm cả câu đố nói về quả đào, quả đào lộn hột bên cạnh câu đố về hoa đào.

2. Mạ là câu đố chúng tôi xếp vào cảnh quan thiên nhiên, trong khi đó *lúa* chúng tôi không xếp vào mục này vì từ *lúa* có thể chế biến ra đồ ăn.

Nội dung các câu đố được chú ý cả nghĩa bóng và nghĩa đen. Thường dùng nghĩa đen để giải thích nghĩa bóng. Cũng có khi quy luật là dùng nghĩa bóng để giải thích nghĩa đen của câu đố.

Những sự so sánh rất thú vị như *cây* được ví với *con* để cập đến quá trình chế biến món ăn. Dưới đây là ví dụ thú vị về củ ấu:

*Cò quăm lấy ở dưới đầm
Đem về nấu nướng kỳ cầm cả đêm;
Nước hết thì lại đổ thêm,
Nấu đi nấu lại mới mềm cò quăm.*
(Củ ấu)

Ví von cây cối, một số loại quả với vật dụng nấu nướng:

*Mình như cái môi bùng tinh,
Quả bằng cái nồi đình, thân tựa ngón tay.*
(Cây bầu)

*Bằng trang hột cám,
Mười tám con mắt
Con mắt nào, con mắt ấy
Bằng cái cối xay.*

(Quả bí)

So sánh với các quả cùng loại:

*Cũng dây cũng lá khác gì đậu
Chẳng phải dưa cũng chẳng phải bầu*

*Hỏi đến ngập ngừng không nói được
Đánh cờ nước ấy chịu buồn râu.*

(Quả bí)

Câu đố nêu lên đặc tính của vật đố liên quan đến ẩm thực - quá trình chế biến thức ăn:

Nửa làm mứt

Nửa nấu canh

Đến khi mất sắc theo anh học trò.

(Quả bí và bút bi)

Bản khác:

Khi làm mứt, khi nấu canh

Đến khi mất sắc theo anh học trò.

(Quả bí và bút bi)

Câu đố nói lên đặc tính của vật đố:

Trong nạc ngoài xương

Biến hóa vô lường

Trong xương ngoài nạc.

(Quả trứng)

Những câu đố có chứa động từ "ăn":

Cũng từ dưới đất mọc lên

Trắng, xanh, hồng, tím cũng nên thắm màu

Không bẻ mà nhỏ, xỏ sâu

Ăn vào thơm miệng nhớ lâu lạ lùng.

(Hoa bông giò)

Có 8 câu đố về bưởi, trong đó có những câu đố rất hấp dẫn:

*Bên trong ăn ngoài,
Bên ngoài người thơm
Bụng dạ đầy những tép tôm
Da dẻ vàng ửng, có rôm mọc đầy.*

(Quả bưởi)

Thực vật gắn với câu đố có xuất hiện động vật (*con tép con tôm, con cá*):

*Chân không tới đất, cật chẳng tới trời
Lơ lửng tầng không bụng đeo bị tép.*

(Quả bưởi)

Bản khác:

Lơ lửng giữa trời mà đeo bị tép.

(Quả bưởi)

*Da đầy mụn đầy rôm
Ruột đầy tôm, đầy tép
Dáng khi tròn, khi dẹt
Ăn khi ngọt, khi chua.*

(Quả bưởi)

*Một bầu chứa rất nhiều tôm
Hạt tươi đốt cũng cháy bùng lửa hoa.*

(Quả bưởi)

*Thân em nào phải dòng sông
Mà đem tép đến xếp trong thế này*

*Ngày xuân kẹo bánh xếp đầy
Không em xin hỏi mấy ai hài lòng.
(Quả bưởi)*

*Má ơi đừng đánh con hoài
Để con câu cá, nấu xoài má ăn.
(Cây cà quánh con)*

*Mẹ em khéo sinh em ra
Minh trắng như ngà cái đế xanh xanh
Yêu em đem về nhà anh
Cho em ăn muối để dành được lâu.
(Trái cà)*

Cây cải xuất hiện trong ba câu đố và thể hiện là một loại rau ngon (cải, cải trời):

*Cây xanh mà lá cũng xanh
Cái đít trắng nõn nấu canh ngọt lừ.
(Cây rau cải)*

Có 9 câu đố về cam cho ta biết về hình dáng và chất lượng một loại quả ngon với những tính từ so sánh chân thực. Tuy nhiên, ngôn từ dân gian cũng liên hệ đến một câu tục ngữ gắn với quả cam: *Quyét làm cam chịu* nên nội dung câu đố cũng có ý nói về việc này (cam chịu điều bị người khác hiểu sai về mình):

*Nào khi nắng sớm mưa chiều
Ôm lòng mà chịu những điều gian nan.
(Cây cam)*

Mặt khác, nội dung câu đố cũng nói đến việc chế biến *bỏ quả cam* - nhưng kỳ lạ là ở chỗ bằng những động từ rất mạnh. Chúng tôi cho rằng đây là những câu đố của người Việt ở miền Nam:

*Ngoài xanh trong trắng như ngà
Khi khách tới nhà cắt cổ mổ gan.*
(Quả cam)

*Ngoài vàng trong ruột cũng vàng
Khách đi ngoài đàng trông thấy liền vô
Bà già cắt cổ mời cô
Moi gan ăn thử, hờm hồ thua ai!*
(Quả cam)

Có 30 câu đố về cây cau gồm: hoa cau, quả cau, buồng cau, tàu cau, mo nang. Cây cau được ví von với những con vật được coi là linh thiêng và những con vật gần gũi với cuộc sống:

*Đầu rồng, đuôi phượng le te,
Chó chẳng ra chó, dê chẳng ra dê.*
(Buồng cau)

Bản khác:

*... Mùa đông ấp trứng, mùa hè nở con.
... Mùa xuân ấp trứng, mùa hè nở con.*
(Buồng cau)

Hoa và quả khi đố thường đi đôi với nhau để nói lên đặc tính của vật đố - đây là tín hiệu cho thấy lời giải rất thú vị:

*Hoa gì, quả quỳên với trâu
Để cho câu chuyện mở đầu nên duyên.
(Hoa cau)*

Ví von gắn với những hành động chế biến trong bếp:

*Khi xưa em ở trong cung
Bây giờ em lớn tú tung ngũ hành
Mình tròn bụng trắng da xanh
Bắc cầu chín nhíp để dành em qua
Đưa em vào cửa vào nhà
Đưa dao róc cắt, đưa ra lãng trì
Chuyện gì thế mặc cố tri
Duyên ư phận đẹp gởi đi cho chàng.
(Buồng cau)*

*Thân em nhỏ nhỏ
Da xanh ruột đỏ
Thịt trắng nõn nà
Tự thuở xa xưa
Bạn cùng lá đa.*

(Mo nang)

Có 3 câu đố về quả chanh cho ta những thông tin khác nhau. Chanh là quả không ăn được nhiều, thuộc loại quả giải khát và làm gia vị:

*Quả gì ăn chẳng được nhiều
Nhưng mà nhìn thấy bao nhiêu người thêm.
(Quả chanh)*

Tiếng thanh cảnh để về sau

Thà rằng nước lã ăn rau cũng đành.

(Quả chanh)

Chanh cũng được xuất hiện trong câu đố với lớp ng
bóng - chanh chua, đánh đá:

Da xanh gân gắt

Nổi tiếng chua ngoa

Nhiều người vẫn quý, bảo là thơm ngon.

(Quả chanh)

Quả chay là một thứ quả ăn chơi, thường mọc ở vi
trung du, ít thấy ở vùng đồng bằng. Quả chay dùng để
dấm canh chua rất ngon. Khi quả chín thì ăn ngọt và t
quả có màu đỏ. Đố về loại quả này, câu đố dân gian
những miêu tả so sánh rất chân thực đến mức sống độn

Bằng nửa cổ tay, nhay nhay những máu

Con cháu muốn ăn, bà chẳng cho ăn, bà đem bà bán

(Quả chay)

Bản khác:

... Con cháu đã ăn, bà chẳng cho ăn, bà đem bán.

Có 2 câu đố về chè. Xét về số lượng thì câu đố về c
quả là ít ỏi bởi chè/trà là thức đồ uống ngon, hấp dẫn
khá phổ biến trong xã hội. Người dân ta thường sử dụng
chè tươi để nấu/đun nước:

Cây chi xanh xanh

Không dám ăn

*Để dành uống
Người thôn quê ưa chuộng
Kẻ thành thị mến yêu.*

(Cây chè)

Từ việc uống nước chè tươi, câu đố dân gian về chè còn lồng ghép nghĩa bóng để nói đến những việc lớn lao của quốc gia đại sự:

*Giang sơn một nắm trong tay
Chỉ lo việc nước, không lo việc nhà.*

(Bó chè tươi)

Quả chôm chôm là loại quả vùng nhiệt đới, phương Nam nước ta. Quả ăn ngon và có hình dáng khá đặc biệt. Câu đố dân gian mặc dầu chỉ có 1 câu đề cập tới quả này nhưng có tới 2 bản khác. Nội dung câu đố về chôm chôm cho ta các tín hiệu ngôn ngữ để nhận ra hình dáng quả này. Tuy nhiên, vì còn mang theo nghĩa bóng nên *chôm chôm* cũng có nghĩa là *ăn trộm/chôm đồ* của người khác như là một tính xấu của con người:

*Mình tròn lông mọc râm rì
Không hề uống rượu mặt thì đỏ au
Cởi trần da trắng phau phau
Của mình, của thật phải đâu của người
Là của ăn trộm hổ người
Mặc ai nói xấu, chi lời phân bua.*

(Quả chôm chôm)

Bản khác:

*Minh tròn lông mọc râm rì
Sao không uống rượu, mặt thì đỏ au
Cởi trần da trắng phau phau
Đã chẳng có đầu lại chẳng có đuôi
Nghe tên thú vị nhất đời
Hãy gọi đến thời nhớ đến số ta.*

(Quả chôm chôm)

Có 36 câu đố về chuối gồm: cây chuối, buồng chuối, quả chuối, hạt chuối, bụi chuối, buồng chuối, bắp chuối, thân cây chuối, hoa và quả chuối, cây chuối trở bông, tà lá chuối. Chuối là một loại quả tráng miệng ngon và bổ dưỡng, rất quen thuộc trong đời sống nhân dân nên đây có thể là một trong những lý do căn bản để số lượng lớn câu đố đề cập tới loại quả ngon này.

Với số lượng câu đố lớn nên những gợi ý về chuối rất đa dạng, nó thể hiện những cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau của người dân về loại quả này. Từ việc miêu tả hình dáng bên ngoài, so sánh ví von toàn bộ cây chuối, hoa, thân, lá, quả, hạt... cho đến việc dùng thủ pháp nhân cách hóa, coi chuối như những con người có nhiều cung bậc cảm xúc v.v. là những miêu tả rất có hồn mà lại dễ hiểu, mang thông điệp thông tin để người nghe có thể tìm câu trả lời chính xác cho câu hỏi đặt ra.

*Kẻ ở trong buồng nắng mưa dầu dãi
Người ở ngoài buồng khắc khoải lom thom
Sáng chiếu qua lại đứng dòm
Bàn lui tính tới chề non chề già.*

(Cây chuối trở buồng)

*Minh tròn trùng trục, đừng nép bờ ao,
Chó cắn lao xao, tưởng thẳng kẻ trộm.*

(Cây chuối)

Những loại quả khác, như dâu, dưa cũng cho những thông tin có nhiều chiều cạnh vừa thân quen, vừa như trách móc:

*Thân em nuôi lớn thân tằm
Người nữ bãm vằm chẳng xót thương tôi.*

(Lá dâu)

*Đã từng phiêu bạt đảo xa
Trong là ruột đỏ, ngoài là vỏ xanh.*

(Quả dưa hấu)

*Ngoài da vừa đen vừa bóng
Lắm kẻ qua đàng lóng ngóng đứng trông
Trong ruột hồng hồng, vừa mát vừa thơm.*

(Quả dưa hấu)

*Ngoài xanh, trong đỏ hồng hồng
Mẹ cha cũng chuộng mà chồng cũng yêu
Không lo thời, không sợ thiu
Đem bày chợ bán có nhiều người mua.*

(Quả dưa hấu)

*Vỏ xanh, ruột đỏ, hạt đen
Hoa vàng, lá biếc đó là quả chi?*

(Quả dưa hấu)

Đố về cây dưa, quả dưa, lá dưa còn chứa đựng nhiều hình ảnh so sánh ví von thú vị:

*Cây cao một trượng, có vũng nước trong
Không chim gì uống được.*

(Cây dừa)

*Cây cao cái giếng cũng trong
Cái kiến không lọt, con ong không vào.*

(Cây dừa)

*Con trâu ngã chết
Ai bỏ nằm dài
Xương sống chai cứng
Xương sườn rã rời.*

(Tàu dừa khô)

Bản khác:

*Con trâu chết rục
Nằm giữa đất đai
Một đường sống dài
Hai đống sườn nát.*

(Tàu dừa khô)

*Một đường xương sống
Một đống xương sườn
Mặt mũi phi thường
Cái râu chanh gánh.*

(Tàu dừa)

*Đầu đội chiếc lọng xanh
Cổ đeo râu chuối hạt
Mỗi hạt to bằng ông bình vôi
Ruột dùng nấu xôi
Sọ dùng làm gáo*

Trưa hè lộn trật áo

Nuốt từng ngụm tuyết vời.

(Quả dừa)

Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.

(Cây dừa)

Em bưng rượu ngọt, nhắm bùi

Người ăn kẻ uống chia vui cửa nhà.

Lòng em lo nước trót già

Xâu tai rồi bắt tay bà con chơi.

(Quả dừa)

Giữa lưng trời có ao nước lã.

(Quả dừa)

Bản khác:

Giữa lưng trời có đám mây cao

Giữa lòng trời có ao nước lã.

(Quả dừa)

Giữa lưng trời có vũng nước trong

Cá lòng tong không mong lợi tới.

(Quả dừa)

Giữa trời có vũng nước tiên

Không cho chim uống, chim phiên chim bay.

(Quả dừa)

Lưng chùng trời

Treo tòn ten bình tích nước

Chờ người có phước

Trưa tặng ly đây.

(Quả dừa)

Lưng nào dài bằng lưng mỗ
Cổ nào đeo chuỗi hạt bằng cổ tôi đây
Làng kia xã nọ quanh đây
Ngày đêm ca hát làm say lòng người
(Cây dừa)

Mẹ có tóc, con trọc đầu
Mẹ sống lâu, con chết chém.
(Cây dừa và quả dừa)

Một mẹ mà đẻ trăm con
Có ba mặt tròn, một sọ rấn câng.
(Cây dừa và quả dừa)

Ngoài xanh, giữa xơ
Đá rấn xây bờ
Men ngà trắng mịn
Nước ngọt hôn thơ.
(Quả dừa)

Ngoài da xanh
Trong da đá
Bá da trắng
Bắn nước ra.
(Quả dừa)

Nước sông không đến
Nước bến không vào
Làm sao có nước
Cá không ở được.
(Quả dừa)

Bản khác:

*Nước sông không đến
Nước biển không vào
Làm sao có nước?*

(Quả dưa)

*Sông không đến - bến không vào
Lơ lửng giữa trời, làm sao có nước?*

(Quả dưa)

*Quê em vốn ở trên cao
Người đem khoét ruột, nước trào tuôn rơi
Ruột thời nuôi nắng thân người,
Vỏ thời công việc, nước nổi chuyên cần.*

(Quả dưa)

Dân gian coi cây dưa như một người lính gác nhưng có
trang phục sống động với những nhiệm vụ cụ thể:

*Vai mang chùm sọ bọc ngoài vải xanh
Nước trong một vũng ngon lành
Mùa hè giải khát thỏa tình ước ao.*

(Quả dưa)

*Tâm phúc trắng trong
Quả không đen bạc
Nước nhà gánh vác
Huynh đệ lo tròn
Trách người phụ tấm lòng son
Trẻ thời khoét mắt, già còn đầu cưa.*

(Quả dưa)

*Trên trời có giếng nước trong
Con cá chẳng lội, con ong chẳng vào.*

(Quả dưa)

Câu đố về quả dưa - một loại quả dùng để ăn và có biến món ăn khá đa dạng cũng khá hấp dẫn bởi các hình ảnh ví von giữa thực vật với động vật:

*Một bầy gà đở
Không mổ không mổ
Trên đầu có túm lông
Chui trong bụi rậm.*

(Quả dưa)

*Thân đầy mắt
Mắt đầy thân
Trước khi ăn
Đầu bị vật.*

(Quả dưa)

*Trái gì có mắt có gai
Màu vàng, vị ngọt, hương bay ngát lòng?*

(Quả dưa)

*Nhấp nhô trâm mắt quanh mình
Tóc tai tua tủa như hình gươm đao.*

(Quả dưa)

*Minh tròn có mắt xung quanh
Một chân đứng vững tóc xanh trên đầu.*

(Quả dưa)

*Mỗi quả mỗi cây
Quả đầy những mắt
Lá đầy những răng.*

(Quả dứa)

Bằng con gà rần, nằm lẩn trong bụi.

(Quả dứa)

Dù sự ví von quả dứa với đầy mắt, răng, đầu, tóc, tai, mình... nhưng đó là những gợi ý gắn chặt với đặc điểm nhận dạng của quả dứa để trở thành tín hiệu dễ nhận biết cho người bị đố.

Cách thức sử dụng quả dứa như một món đồ ăn, cách chế biến cũng thể hiện qua câu đố:

*Thân đầy mắt,
Mắt đầy thân
Trước khi ăn
Đầu bị vặt.*

(Quả dứa)

Với 11 câu đố về quả dứa, chúng tôi nhận thấy có 8/11 câu có sự liên hệ tới động vật qua so sánh hình dáng bên ngoài của quả dứa. Ba câu đố còn lại mang ẩn dụ ví von - và rõ ràng độ khó của câu đố cũng tăng lên khi không được liên hệ với sự vật một cách trực tiếp.

Đó là:

*Bấy lâu phong kín nhụy đài
Bây giờ nên nổi bướm vào nếm hương.*

Hoặc như:

Đầu rồng đuôi phượng, cánh tiên...

Trên đầu đội sắc vua ban

Dưới thời yếm thắm, dây vàng xum xuê

Thần linh đã gọi thì về

Ngồi trên mâm ngọc, gương kê sau lưng.

Cùng với hình thức đẹp đẽ, có phần đởm dáng, hình tượng gà trống còn được đặc tả kỹ và có khi lại gắn với nhiệm vụ quan trọng, liên hệ với trời, và có trọng trách gánh vác thiên hạ.

Ví như:

Hai chân đứng chững chạc

Cái lược đỏ trên đầu.

(Gà trống)

Có mào, có cựa

Tiếng tựa như kèn

Mà nhắc đến tên

Tai nghe như trống.

(Gà trống)

Chân to bằng cái cán thìa

Miệng chằm nói chuyện sớm khuya với trời.

(Gà trống)

Con chi mào đỏ, lông mượt như tơ

Sáng sớm tinh mơ, gọi người ta dậy.

(Gà trống)

Tuy vậy, hình tượng gà trống hiện ra cũng rất giản dị, nó đại diện cho đức tính hiền hậu, vui vẻ và cần cù, chịu khó của người nông dân vất vả nơi đồng ruộng:

Chưa sáng đã gọi râm ran

Làm cho thôn xóm xa gần đều vui

Tháng năm cho đến tháng mười

Nhặt bao nhiêu thóc vãi rơi ngoài đồng.

(Gà trống)

Hình tượng gà trống với tập tính sinh học của nó cũng được thể hiện qua câu đố như một loại tín hiệu dễ đoán nhận cho người giải đố:

Đầu rồng, đuôi phượng, cánh tiên

Ngày năm ba vợ, tối ngủ riêng một mình.

(Gà trống)

Bản khác:

... Ngày năm bảy vợ, sáng dậy kêu la làng.

... Nửa đêm thức giấc kêu lên khắp làng.

... Nửa đêm thức dậy hổ liên vang trời.

... Nửa đêm thức dậy, nổi điên kêu trời.

... Ngày năm bảy vợ, nằm đêm kêu trời.

(Gà trống)

Thậm chí, trong một câu đố khác, quan hệ gà mái và gà trống còn được đặc tả kỹ càng như sau:

Yếu điệu thực nữ, quân tử hảo cầu

Lấy nhau được ba bốn ngày

Đến khi vợ đẻ lên ngay giường cùng.

*Vợ đẻ cho vợ cấm cung
Trông ra ngoài ngõ kêu liên giăng ca
Ra ngoài bốn vợ người ta
Vợ nhà nghe thấy chạy ra kêu trời.*

(Gà mái và gà trống)

Cũng giống như hình tượng gà trống, hình tượng gà mái hiện ra thật oai phong trong tư cách trụ cột, nơi che chở cho những lực lượng khác trong xã hội:

*Hai cột, một kèo, treo hai tấm tranh
Ba quân thiên hạ núp mình có dư.*

(Gà mái)

Và gà mái còn được thể hiện qua câu đố như hình tượng của người mẹ chất chiu, chịu đựng, hy sinh, chịu những thiệt thòi trong cuộc sống nhưng không hề oán thán. Hình ảnh đàn gà con hiện ra cũng thật sinh động. Tuy nhiên, đó cũng là những hình ảnh mà dân gian liên tưởng đến đạo hiếu của các con dành cho mẹ, báo đáp công ơn của mẹ (gà). Câu đố là bài học nhẹ nhàng cảnh báo, nhắc nhở những người con hãy coi đó là tấm gương răn đời một cách đầy ý nghĩa.

Con chi không vú nuôi chín mười con.

(Gà mái)

*Sinh đẻ con cái đầy nhà
Mẹ thì nuôi nấng còn cha vô tình
Lớn khôn tự lập mưu sinh
Đánh cha đuổi mẹ, tranh giành miếng ăn.*

(Gà mái và đàn gà con)

*Một mẹ nuôi chín mươi con
Chín mươi con không nuôi tròn một mẹ.
(Con gà)*

*Một mẹ sinh chín mươi con
Anh em đường ấy cô đơn nỗi gì
Tôi ngày than thở như ri
Người nghe chột dạ hoài nghi đứng nhìn.
(Đàn gà con)*

Cùng với những câu đố về gà trống, gà mái, gà con, còn có 5 câu đố về ổ trứng gà với những hình ảnh liên tưởng rất lý thú, thậm chí đúng với nghĩa *đánh đố* người nghe trong quá trình tiếp nhận câu đố và tìm lời giải cho nó. Ví như rất khó để đoán ra đây là trứng gà:

*Không bưng mà kín.
(Trứng gà)*

*Bằng trang lục lạc
Trong nạc ngoài xương.
(Trứng gà)*

*Chum trắng đựng nước mắm vàng
Đến khi lờ làng lại mở ra ăn.
(Trứng gà)*

*Vỏ trắng ruột đỏ, dễ mở khó gà.
(Trứng gà)*

Đố về ổ trứng gà, câu đố dân gian gợi ý như sau:

*Một vũng trâu nằm, mười lăm hòn đá lệch.
(Ổ trứng gà)*

Có 9 câu đố về quạ cũng chứa nhiều mã thông tin về tập tính văn hóa của con người gán cho loài chim này. Hình dáng quạ khoang, quạ đen và tín hiệu báo điềm không lành là những mặc định về văn hóa con người dành cho quạ. Liên quan tới ẩm thực, câu đố về quạ lại cho ta thông tin về bữa ăn bị gán với điềm dữ, gán với thân chết, quý sứ:

*Quanh năm mặc áo sa tanh
Đêm đêm đem việc chẳng lành cho ai
Biết trước người chết có tài
Đâu được xơi bữa, kêu hoài mà ời!
Người người sợ hãi rụng rời.*

(Con quạ)

Thậm chí, câu đố về quạ có khi lại khá khó hiểu. Câu trả lời đòi hỏi sự suy đoán với kiến thức rộng mới có thể trả lời đúng trong trường hợp này:

*Xưa kia tôi ở non cao
Có kẻ lòng nào, tôi mới ra đi
Ra đi mây phủ áng trời
Bá quan văn võ xuống chơi hạ trần
Ăn thời lựa miếng thanh tân
Không ăn tạt nhạp quý thần cười chê
Ăn rồi sắp lưng ra về
Quý sứ lại được ê chề tự do.*

(Con quạ)

Câu đố về chim sẻ mang trong nó nội dung đả kích, cười chê:

Con gì muốn đẻ ra ông

Còn nhỏ tí xíu đẻ ông chân dầm

Con gì muốn bằng con bò

Thân bằng hòn đá, nghĩ cho nực cười.

(Chim se sẻ - Se sẻ đẻ ông voi)

Những câu đố về con vịt cũng đã nhân hóa hình tượng vịt thành một đoàn quân biết kỹ luật và có kỷ luật:

Biết kêu không biết gáy

Một đàn nói một lời

Ăn không ngồi rồi

Đêm ngày chăm lo việc đẻ.

(Con vịt)

Thuyền ai nhỏ nhỏ don don

Chèo ra giữa biển nước non dầm dề

Gá lời kêu bố chú bên tề

Ngày thời xuất trận, tôi về điểm binh.

(Con vịt)

Hàng trăm chiếc bánh giữa vời

Khoan thai chèo quế, dạo chơi sông hồ

Lênh đênh mặt sóng nhấp nhô

Tôi về cập bến trên bờ xôn xao.

(Đàn vịt)

*Cái thuyền ba vạn, cái ván sơn sơn
Bơi ra cửa bể bắt con rồng rồng.*

(Con vịt mò tép)

Tuy vậy, đặc điểm hình dáng của vịt là yếu tố quan trọng nhất được phản ánh qua câu đố. Đó là vịt chân ngắn, mỏ lép, đẻ trứng sai, không chăm con quán quýt như gà và quan trọng nhất là thói *nước đổ đầu vịt* như cách ví von dân gian khi nói về loài vịt này:

*Chân thấp lùn ngùn
Cái đít ngoi ngoi
Cái mỏ lép kẹp
Đem ngâm vào nước
Áo quần không ướt.*

(Con vịt)

*Đã sinh ra kiếp người lùn
Lại còn gẻ lạnh với con sinh thành.
Gan lỳ đứng trước lời đình
Mức bao nhiêu nước, đội đầu bằng không.*

(Con vịt)

*Dầm son hai mái dầm son
Chơi sông chơi rạch chơi hòn cù lao.*

(Con vịt xiêm)

Câu đố về trứng vịt lộn - một món ăn khoái khẩu của người dân được thể hiện nhiều cung bậc tình cảm và cũng chứa đựng trong nó nhiều thông tin chỉ nguồn để người nghe có thể đưa ra câu trả lời đúng:

*Trách người ác đức bất nhân
Tội chi tôi phải cam phân chết non
Tôi đang nằm giữa lâu son
Giết tôi mà lại méo tròn khen chê
Non già hứ hé tôi thể
Oan hồn tôi kiện khi về cõi âm.*

(Trúng vịt lộn)

Câu đố về loài chim cho món ăn quý hiếm thuộc loại hảo hạng là tổ yến cũng đi vào đời sống dân gian khá thú vị. Tuy là món ăn đắt tiền nhưng lại có những gợi ý rất cụ thể để người nghe liên tưởng đến câu trả lời đúng một cách dễ dàng:

*Lấy nước miếng làm tổ
Nên nó bỏ vô cùng
Sơn hào hải vị nhìn chung
Món này quý hiếm, kẻ dùng giàu sang.*

(Tổ yến)

*Từ hòn đảo ngoài biển
Làm tổ nơi hang sâu
Ngự phẩm trên quý
Từ ngàn xưa tới ngàn sau.*

(Tổ yến)

b) Câu đố về các con thú

Có 108 câu đố về các con thú. Tạm thời chúng tôi thống kê số lượng câu đố đối với từng loại như sau: Cheo,

hươu, la, nhím, sư tử, tê giác, lạc đà¹-(không tính: nhện, tằm, cua, bọ hung, thiêu thân, dã tràng, cà cuống, ốc, hến, trai), chồn, mang, thỏ, dê, khỉ, hổ, lợn, mèo, dơi, voi, ngựa, bò (trâu, trẻ con biết bò), chuột, chó, trâu.

Trâu, bò là con vật nuôi quen thuộc trong đời sống người nông dân. Trong số 8 câu đố về bò có 1 câu lời giải là bò và trâu (*To đầu mà dại / Ăn rồi ăn lại ăn đi*) và một câu đáp án là con bò - nhưng là từ để chỉ trẻ em bước qua giai đoạn tập lẫy thì sang giai đoạn tập bò - thực chất không liên quan vì đến các con thú (*Nhìn con lòng mẹ mừng thay / Lật xong con sắp đến ngày biết đi*). Dĩ nhiên, đây là hiện tượng đồng âm dị nghĩa trong tiếng Việt (cũng như phổ biến trong tiếng Hán) nên khi tuyển vào câu đố về các con thú, chắc hẳn nhóm biên soạn cũng có chủ ý. Theo chúng tôi, câu đố này cũng tạo ra tiếng cười thú vị vì

1 Câu đố về tê giác tuy chỉ có 1 đầu mục nhưng lại chứa 10 mục từ liên quan tới 10 lời giải đố. Theo mô típ đố: Con gì... (nêu đặc điểm)?, chúng ta có 10 câu đố thú vị như sau:

<i>Con gì chỉ có một sừng?</i>	(Tê giác)
<i>Con gì mang bướu trên lưng suốt đời</i>	(Con lạc đà)
<i>Con gì chăng lưới bắt ruồi</i>	(Con nhện)
<i>Con gì ăn lá cho người kéo tơ</i>	(Con tằm)
<i>Con gì càng nhỏ càng to</i>	(Con cua)
<i>Con gì ở chốn bẩn nhơ có nhiều</i>	(Con bọ hung)
<i>Con gì chẳng sợ lửa thiêu</i>	(Con thiêu thân)
<i>Con gì xe cát sớm chiều phí công</i>	(Con dã tràng)
<i>Con gì gan ruột cay nồng</i>	(Con cà cuống)
<i>Con gì có miệng mà không có đầu</i>	(Con ốc, hến, trai)

một trong các quy luật của cách tạo ra sự hấp dẫn trong văn học dân gian là hình thức đánh tráo khái niệm.

Đối với bò, những câu đố chủ yếu tập trung vào đặc điểm hình thức và nội dung văn hóa gán cho nó trong đời sống cộng đồng. Hình tượng con bò nổi lên không phải là con vật cho thịt ngon với nhiều món chế biến hấp dẫn mà là con vật to lớn nhưng dốt nát:

Bốn trụ sẫm, hai trụ sắt

Một cái ngúc ngoắc, hai cái ngo ngoe

Nói có người nghe

To đầu mà dốt.

(Con bò)

Bốn cột một kèo

Có lọ mắm heo, mèn bò không ướ.

(Con bò)

Cái bằng bàn tay

Mưa ba đêm ba ngày không ướ.

(Tai bò)

To đầu mà đại,

Ăn rồi, ăn lại ăn đi.

(Con trâu, con bò)

Dù cho nội dung câu đố có nhắc đến một bộ phận nội tạng của bò (sách bò) nhưng lại được hiểu ở nghĩa bóng - tức là sách vở học tập - đó chỉ là hình ảnh để liên tưởng đến sự *dốt nát* của con bò (mà ám chỉ con người u tối):

*Giúp người trả mấy ngàn thu
Sao người lại bảo ta ngu vô cùng*

*Sách ta mang luôn trong lòng
Sao người lại bảo đốt, lạ lùng lắm thay...*
(Con bò đực)

*Kè kè cắp sách trong lòng
Mà mang tiếng đốt lạ lùng hay chưa?*
(Con bò)

Câu đố về con bò còn có những chi tiết thú vị tả về cái yếm (gầu bò) hay bộ phận con giống của bò đực cũng làm cho nội dung câu đố trở nên sinh động với những hình ảnh ví von nhưng gần với lời ăn tiếng nói của người dân trong cuộc sống đời thường:

*Yếm dài khoác bộ tiểu thư
Làm ăn chẳng quản sớm trưa nhọc nhằn.*
(Con bò)

*Của ta ta mang xưa nay
Sao người lại bảo của ngay đàn bà.*
(Con bò đực)

Có 19 câu đố và các bản khác đố về con chó với nhiều tình huống khá hấp dẫn. Liên quan tới ẩm thực, thịt chó được đánh giá là món ăn bổ dưỡng, một món nhậu thuộc hạng bình dân nhưng là đặc sản trong ẩm thực đời thường. Câu đố nổi tiếng nhiều người biết tới món chó thui - đố mà như không, đố nhưng có ngay lời giải, đố cốt để cười vui chứ không nhằm mục đích đánh đố như sau:

Trùng trục như con chó thui
Chín mắt, chín mũi, chín đuôi, chín đầu.
(Con chó thui)

Chín mắt, chín mũi, chín đầu, chín đuôi
Không nói chuyện xa xôi
Chuyện trong nhà, ngoài ngõ.
(Con chó thui)

Hình dáng, đặc điểm canh nhà cần mẫn, trung thành với chủ, tinh táo phát hiện kẻ gian là những gợi ý xuất hiện trong các câu đố về con chó. Ví dụ như:

Đen như quạ, vàng như hoa
Trắng như gà, xôm như sư tử
Không biết một chữ, miệng nói ba hoa
Buồn nằm nhà, vui la cà hàng xóm.
(Con chó)

Đứng thì thấp, ngồi thì cao.
(Con chó)

Loay hoay, loay hoay, huych.
(Con chó)

Khen ai dạ sáng như gương
Tối trời như mực, biết bạn quen mà mừng.
(Con chó)

Đầu làng có cái mõ
Cuối làng có cây cờ
Mõ đánh đến đầu
Cờ rung đến đấy.
(Con chó đang sủa)

*Ngõ không đánh mõ rung cờ
Không ông thợ mộc, cũng ngờ thàng gian.*

(Con chó đang sửa)

Câu đố về con chó còn được thể hiện qua những hình ảnh gần gũi với đời sống hằng ngày như hiện tượng chó đi tè hay đi tơ. Tư duy dân gian thể hiện qua câu đố này là thứ tư duy dân dã, cụ thể:

*Đi đâu xúng xính loay hoay
Bỗng dưng ghéch cẳng bụi cây đứng tè.*

(Con chó)

*Tám cẳng xà lai
Hai đầu bốn tai.*

(Chó mắc lẹo, tức chó đang đi tơ)

Có 2 câu đố về con chồn. Gợi ý từ câu đố cho ta biết đặc điểm của chồn là con vật thông minh nhanh nhẹn và sợ chó (chó săn). Liên quan tới ẩm thực, sở thích ăn đặc sản thú rừng của con người đối với con chồn cũng khá phổ biến. Thịt chồn có hương vị riêng không trộn lẫn nên có câu đố rằng:

*Ta đây ta vẫn là ta
Chặt đuôi, chặt tróc vẫn là chính ta.*

(Con chồn)

Có 11 câu đố về chuột, trong đó có 1 câu đề cập đến quan hệ giữa mèo và chuột được ví von khá sinh động:

*Vừa bằng cổ tay đâm ngay vào l...
Gặp ông quan ôn, bỏ l... mà chạy.*

(Con chuột và con mèo)

Những câu đố còn lại chủ yếu đề cập tới các loại chuột phổ biến trong đời sống với hình dạng và đặc tính ăn vụng của chuột.

Nội dung 11 câu đố không có câu nào trực tiếp đề cập tới món ăn từ thịt chuột theo nghĩa đen. Tuy vậy, một vài loại quả (chuối, mướp) lại xuất hiện trong sự ví von với hình dáng của chuột và thức ăn của loài chuột lại được đề cập.

Vừa bằng quả mướp, ăn cướp cả làng.

(Con chuột)

Mình bằng quả chuối tiêu

Cơm hầm cá thiu

Gặp thì ních tuốt luốt.

(Con chuột)

Có 3 câu đố về dê thể hiện quan điểm của người dân đối với hình tượng con vật này. Là vật nuôi trong nhà và thịt dê thuộc loại thịt đặc sản, ngon, lành. Dẫu vậy, cả 3 câu đố đều không chứa thông tin trực tiếp đến món ăn hay cách chế biến món ăn từ dê. Hình ảnh dê hiện ra là hình ảnh không đẹp, là sự ăn chơi đàng điếm. Có sự phân biệt giữa các loại dê khác nhau (dê đực, dê cái, có sừng và không có sừng). Nội dung câu đố cũng đề cập tới sản phẩm dị hóa của dê (cứt dê) với sự liên tưởng một loại thuốc chữa bệnh trong dân gian.

Hơn đời tốt bộ râu

Trong làng sừng sỏ dễ hầu kém ai

Tính quen dâu bộc ăn chơi

Dâm ô để một tiếng cười về sau.

(Con dê)

*Tôi hay trèo núi cheo leo
Sừng tôi nhọn hoắt cong veo trên đầu
Chưa già tôi đã có râu
Chiều về bồm bẻm nhai trầu khoan thai.
Tôi viên thuốc tễ rất tài
Viên xong tôi vút ở ngoài đường đê
Tiền điện khám nam như chi chí
Hậu bối chi nữ thị chi hình.*

(Con dê cái)

Có 6 câu đố về dơi, trong đó có hai câu trả lời liên quan đến dơi và cua. Câu đố về dơi có những từ ngữ liên quan tới chim và thú (chuột), trứng, đẻ con.

Có 5 câu đố về hổ. Hổ xuất hiện với những tên gọi khác nhau gắn với nỗi sợ hãi truyền tụng trong dân gian.

*Lắm tên mà chỉ một ông
Xưa nay từng ấy tây đông mọi miền
Nghe tên thiên hạ đều kiêng
Gọi thầy, gọi cậu, lại thêm gọi ngài.*

(Con hổ)

*Vừa bằng con bò, nằm co giữa cổng
Cả tổng không dám đi.*

(Con hổ)

Tuy hung dữ nhưng dân gian cũng có sự liên hệ khá thú vị giữa danh từ hổ với tính từ xấu hổ được thể hiện qua nghệ thuật chơi chữ:

*Đường đường tướng mạo,
Lẫm lẫm uy phong
Đáng vì chúa tể một vùng
Sao lại thẹn thùng học thói nữ nhi
Xuân thu ba chục đường thì
Những phường trâu ngựa sá gì lười gươm.*

(Con hổ)

Có 5 câu đố về lợn và lợn nái, lợn con. Đặc tính tham ăn, lười nhác (ăn nằm) của lợn được thể hiện rõ nét qua câu đố. Câu đố về lợn cũng gợi ý cho người nghe một quy luật trong đời sống của con lợn - một con vật nuôi trong gia đình khi gắn với mục đích thực dụng ẩm thực của con người, nuôi để thịt.

*Ai cũng phải bảo rằng lười
Ăn xong rồi chỉ biết chơi biết nằm
Ở nhà chẳng trợn một năm
Muốn cho mau lớn phải chăm thật nhiều.*

(Con lợn)

*Muốn sống lâu thì ăn ít
Muốn sống ít thì ăn nhiều
Nỏ mồm mà chó có kêu
Nấu cho ăn mập, sớm chiều thịt đây!
Nấu đâu có thương chi mà.*

(Con lợn)

Ngoài hai câu đố trên liên quan trực tiếp đến đề tài ẩm thực. Câu đố về lợn nái và đàn lợn con cũng gợi những hình ảnh rất quen thuộc, gắn gũi với đời sống con người:

*Người gày guộc, mồm chao vao
Không biết duyên nợ làm sao
Lấy phải thằng chồng nhỏ.*

(Lợn nái)

*Mẹ đi trước đánh bông đánh bạt
Con theo sau vừa quất vừa la.*

(Lợn nái, lợn con)

Có 5 câu đố về mèo. Nói đến mèo với những đặc điểm nhanh nhẹn, mắt tinh và sáng, hay bắt chuột là những gợi ý của câu đố về mèo:

*Con gì mắt sáng về đêm
Nằm trong bóng tối nhìn em dịu hiền
Chuột kia vừa mới hiện lên
Nghe hơi của nó láo liên chạy dài.*

(Con mèo)

Mèo cũng nổi tiếng không kém nhờ tính *ăn vụng*:

*Không ăn vụng sao trèo giàn
Chưa bắt quả tang
Chôi lia chôi lịa
Oan, oan...*

(Con mèo)

Có 7 câu đố về ngựa. Ngựa là con vật thân thiết trong đời sống với nhiều công dụng. Súc ngựa là cách ví von với việc chuyên chở nhờ con vật nuôi này. Hình ảnh con ngựa với hình dáng bên ngoài đẹp đẽ, ấn tượng đã đi vào câu đố khá thú vị, hấp dẫn:

*Chăm chăm chăm bốn dầm bơi cạn,
Bàn bàn ban hai bức màn treo
Trước cửa tiên quân reo ra rả,
Sau cửa hậu có ngọn cờ treo.*

(Con ngựa)

Nghệ thuật sử dụng từ láy lặp ba trong câu đố nêu trên đã đem lại sự thu hút cho người nghe, để từ đó thu hút sự chú ý. Kết hợp nghệ thuật so sánh ví von với đặc điểm sinh học của con ngựa đã cho ra câu đố thật giàu hình ảnh mới lạ.

Con ngựa còn có hình dáng hấp dẫn với hình dáng mỹ miều:

*Đầu làng đánh trống ra rả,
Cuối làng có mã bông lau,
Chạy cho mau lên rồi sẽ xuống.*

(Con ngựa)

Bản khác:

*Đầu làng đánh trống ra rả,
Cuối làng có mã bông lau,
Chạy cho mau, chạy cho mau
Đưa người quân tử đến đâu thì tùy.*

(Con ngựa)

*Trước mặt chàng chim kêu ra rả
Sau mặt chàng quạt ra lau lau
Trước mặt chàng có bầy cá cạn
Sau mặt chàng có bản hồ lơ.*

(Con ngựa)

Bản khác:

*Trước mặt chàng chim kêu ra rả
Sau mặt chàng quạt ra lau lau
Trên cao bắc một cái cầu
Cho người quân tử đi hầu cửa quan.*

Từng bộ phận của con ngựa như túm lông đuôi, da ngựa, cũng đi vào câu đố:

*Phất trần đạo sĩ túm lông dài
Hẳn nhờ mây chú chẳng ai
Ruồi muỗi quét tan nào bén mảng
Mà người đâu tưởng xót công hoài.*

(Lông đuôi ngựa)

*Trâu chết để da, mây để làm gì
Da mây nên biết để ai khi
Năm xương tử sĩ làm quan quách
Nguyện vọng anh hùng vẫn trước nay.*

(Da ngựa)

Kể cả lao động kéo xe nặng nhọc của ngựa cũng là hình ảnh đi vào câu đố:

*Trước sân không nói, nói sau hè
Than thở mà chi nẫu cóc nghe
Cực nhọc - no mồm đành cố kéo
Đường dài, thường bấy - mỗi chân què.*

(Ngựa kéo xe)

Thú vị nhất trong nghệ thuật và nội dung câu đố về ngựa phải kể đến câu đố:

Khi đi bằng cửa ngọn

Khi về bằng cửa ngọn.

(Con ngựa)

Bản khác:

Khi đi cửa ngọn

Khi về cũng cửa ngọn.

(Con ngựa)

Ở đây, nghệ thuật nói lái đã được sử dụng khá đắt để tạo ra sự hấp dẫn cho câu đố. Đố và giải đố một cách nhanh chóng.

Có 19 câu đố liên quan tới trâu. Chủ yếu các lời đố liên quan tới việc mô tả hình dáng bên ngoài của trâu: to lớn, có sừng vểnh, 2 tai vung vẩy, đuôi hoạt động đưa qua đưa lại và có thói quen dầm nước (ao, đầm). Hình dáng to lớn của trâu được ví với voi, ngựa.

Bốn cột rinh tảng đá

Hai ông tướng tá đi trước vung gươm

Hai bà đi sau quạt hầu lia lịa.

(Con trâu)

Bởi buồn nên miệng mới nhai

Nhai đi nhai lại những hai ba lần

Sớm khuya vất vả nhọc nhằn

Quanh năm ngày tháng giúp dân làm mùa.

Bốn ông đập đất, một ông phát cò

Một ông vợ cò, một ông bỏ phân.

(Con trâu)

*Con gì nhỏ hơn con voi
Lớn hơn con ngựa mà coi hiền lành
Thói quen tắm gội ao sinh
Mưa mừng, nắng giận, bắm sinh khác người.*
(Con trâu)

Là con vật thân thiết với đồng ruộng nên cả vết chân trâu cũng đi vào câu đố:

Vừa bằng cái bát, san sát giữa đồng.
(Vết chân trâu)

Tuy bị chê là kém, bị so sánh *đàn gảy tai trâu* nhưng chính hình ảnh con trâu cũng tạo nên vẻ nên thơ với một loại tạm gọi là nhạc cụ - sừng trâu:

*Có đủ hai tai như ai
Đàn đâu đem gảy cho hoài luống công.*
(Con trâu)

*Tiếng còi báo hiệu thu không
Lừng bay khắp chốn thu không xa vờ
Nhờ ai, người có người ơi!
Mục đồng, tiếng sáo ngân dài vì vu.*
(Sừng trâu)

Tóm lại, nói về trâu, đố về trâu có thể ngắn gọn qua câu đố mang tính tạm tổng kết:

*Tôi là bạn của nông gia
Thân đen đuôi bản nhưng mà công to.*
(Con trâu)

Và quan trọng hơn cả là con trâu không chỉ có công đối với con người thông qua hoạt động lao động sản xuất. Thịt trâu là món ăn hấp dẫn, là đồ ăn có khi chỉ dịp hội làng mới có cơ hội thưởng thức bởi "*cãi nhau to như mổ trâu mổ bò*" là cách ví von phổ biến trong dân gian.

Đố về con trâu thui có câu:

Trông ra chính thực con trâu

Chín tai, chín mắt, chín đầu, chín đuôi.

(Con trâu thui)

Có 6 câu đố về voi. Là con vật to lớn, hình dáng của voi được miêu tả qua câu đố như sau:

Bốn cây cột dừa

Hai cây đinh sắt

Một cái đồng đưa

Một cái ngút ngoắt.

(Con voi)

Bốn người dẫm đất, một người phát cờ,

Hai người lẳng lơ, hai người quạt mát.

(Con voi)

Về giá trị ẩm thực, có thể nói thịt voi không ngon. Dân gian có câu *Oi như thịt voi, Trăm voi không được bát nước xáo (nước xuyết)* để chứng tỏ hai khả năng: Một là do voi to lớn, không/khó có cơ hội ăn thịt nó; hai là có thể thịt voi không ngon. Chúng tôi cho rằng, khả năng thứ hai phổ biến trong đời sống ẩm thực hơn. Câu đố dân gian cũng góp phần lý giải điều này:

Sâm sâm đứng một đống

Tiếng róng vọng non xa

Răng nanh đất giá

Thịt da rẻ rẻ...

(Con voi)

Dông dạc hình thù

Ba tên một họ.

(Voi, bò, cóc)

Câu đố và câu trả lời này quá khó hiểu đối với người miền Bắc. Có thể xuất phát từ miền Nam với phương ngữ và danh từ chỉ địa phương liên quan tới con voi chăng?

c) Câu đố về động vật dưới nước

Có 41 câu đố về các con vật sinh sống dưới nước như sau: chình, lươn, rươi, sam, tép, rạm, sứa, ba ba, sò, trai, đĩa (ốc, muỗi), ếch, tôm, cua, ốc, cá các loại.

Con vật không đưa vào thống kê: còng.

Có 3 câu đố về con ba ba. Sự kết hợp giữa tên gọi và liên hệ với các con số, phép tính toán đã trở thành gợi ý để đố và trả lời đúng đáp án. Câu đố này có giá trị kích thích trí thông minh, suy đoán, khả năng làm toán của trẻ em:

Anh em cùng với bác rùa

Ai ai cũng gọi tên ra hai lần

Khi chia còn mỗi một phần

Đem trừ thì hết, nhân thành gấp ba.

(Con ba ba)

Tập tính sinh hoạt của ba ba cũng được thể hiện qua câu đố:

*Trời xanh chín tuổi thường lễ
Sớm ăn bữa bạc, tối về hang mai.*

(Con ba ba)

Thịt ba ba là loại thịt rất ngon, một loại đặc sản ẩm thực. Ba ba là con vật có hình dáng đặc biệt, dường như nó là sự kết hợp về diện mạo bề ngoài của nhiều con vật khác:

*Cẳng vịt, thịt gà
Da trâu, đầu rắn.*

(Con ba ba)

Bản khác:

*Chân vịt, thịt gà
Da trâu, đầu rắn
Biết cắn mà không biết kêu.*

(Con ba ba)

*Da da trâu, đầu đầu rắn
Biết cắn mà chẳng biết kêu.*

(Con ba ba)

Thịt ba ba ăn ngon như thịt gà và rất bổ dưỡng. Thông qua câu đố dân gian, chúng ta biết thêm một tri thức về loài vật này.

Có 19 câu đố về các loại cá. Những câu đố về loại cá nói chung phản ánh đặc điểm chung nhất của chúng:

*Chẳng cơm chẳng gạo cũng no
Không nhà không cửa cũng lo suốt ngày
Lỡ làng gặp sự chẳng may
Người ta chụp được, từ nay từ trần.*

(Con cá)

*Ngồi buồn nói chuyện bông lơn
Ngó xuống dưới biển có con, không thăng.*

(Con cá)

Đối với lĩnh vực ẩm thực, các loại cá về cơ bản là thức ăn ngon: *Có cá đổ vạ cho cơm*. Câu đố dân gian đã thể hiện sự tinh tế, hóm hỉnh qua câu đố về loại *thịt - cá* thông qua quá trình chế biến món cá:

Làm thịt mà không ăn thịt.

(Con cá)

Đây là một câu đố khó. Những câu đố còn lại đều căn cứ vào đặc điểm của từng loại cá và đưa thông tin để đố. Các câu đố về loài cá còn lại là: cá bạc má, cá chim, cá cháy, cá đuối, cá leo, cá lười trâu, cá tren bầu, cá lòng tong, cá rô phi, cá thòi lòi, cá trê.

Có 2 câu đố về cá voi và cá mè nhưng nội dung câu đố là nghệ thuật chơi chữ dân gian:

Cái gì khác họ cùng tên

Cái ở dưới nước, cái trên mái nhà.

(Con cá mè, cái rui mái nhà)

Ông sống ở dưới nước

Ông sống ở trên rừng

Trùng tên không trùng họ

Ông lỗ mũi mọc trên lưng

Ông lỗ mũi mọc thò lò trước miệng.

(Cá voi, con voi)

Có 14 câu đố về cua. Các câu đố đều lấy hình dáng đặc biệt của cua để làm thông tin câu đố. Dĩ nhiên, tùy theo mỗi vùng miền mà sự ví von lại mang màu sắc khác nhau.

*Đã có mai xanh lại yếm vàng
Ba quân khiêng kiệu, kiệu nghênh ngang
Xin theo ông Khổng về Đông Lỗ
Học thói Bàn Canh nấu chín thang.*

(Cua đồng)

*Một nhà có đủ mẹ cha
Sanh con tám đứa chia ra hai hàng
Khi đi công nhà nghênh ngang
Mẹ cha đi trước dọn đường cho con.*

(Con cua)

*Cù lẩn cù lân
Cò chân mà không có tróc
Cù lốc cù lốc
Cò tróc mà không có chân.*

(Con cua và con cá)

Cua là món ăn dân dã ngon lành, trong đó những con cua đinh thịt chắc là loại ngon có thể gọi là đặc sản đã đi vào câu đố dân gian:

*Thịt gà, chân vịt, lưng trâu
Đuôi cóc, đầu rắn, ai hầu dám trêu
Biết cần mà chẳng biết kêu
Lặn hụp sớm chiều dưới chỗ sâu xa.*

(Cua đinh)

Có 6 câu đố về đĩa. Trong nội dung những câu đố về đĩa có sự xuất hiện các ví von với một số loại thực vật và động vật khác: ổi, lim, trâu, ngựa, uống máu (huyết) khá cụ thể. Hơn nữa, cùng đố với đĩa là con ốc, con muỗi:

*Gấp ba lần que diêm,
Khi chìm, khi nổi
Vừa bằng quả ổi,
Khi nổi khi chìm.*

(Con đĩa và con ốc)

*Con gì có tiếng khó nghe,
Đêm đêm lại lượn vo ve ngoài màn,
Cứ luôn giở thói quân gian,
Làm người bị đốt kêu van rửa thâm.*

(Con muỗi)

*Thân em như miếng cao su
Không ăn, uống huyết ngựa trừ trâu vạm
Hễ gặp đao riết, la làng chẳng buông.*

(Con đĩa)

Bản khác:

*Thân em như miếng cao su
Ở ăn tâm huyết ngựa tru với người
Dù cho đất cạn đời đời
Đất khô nước cạn mà đời vẫn yên.*

(Con đĩa)

*Bằng quả lim, khi chìm khi nổi
Bằng quả ổi, khi nổi khi chìm.*

(Con ốc)

Trong đời sống dân gian, hình ảnh con đũa với câu đố dân gian phổ biến được nhiều người biết đến chính là:

Vừa bằng lá tre, the le mặt nước.

(Con đũa)

Bản khác:

Vừa bằng lá tre, the le nước ruộng.

Vừa bằng lá tre, ngo ngoe dưới nước.

Vừa bằng lá tre, ngo ngoe dưới ruộng.

Có 6 câu đố liên quan đến ếch. Dáng vẻ bề ngoài lạ lùng của ếch và tập tính sinh hoạt của ếch được thể hiện rất rõ qua câu đố. Tuy vậy, thông qua nghệ thuật ngôn từ dân gian, hình ảnh con ếch hiện ra cũng khá lạ:

Phẩm phạp bằng bàn tay

Ban đêm thì có ban ngày thì không

Dưới bụng thì trắng như bông

Trên lưng nhẵn thín không lông lá gì.

(Con ếch)

Vừa ở dưới nước

Đã nhảy lên bờ

Tiếng kêu như sấm,

Những ngày đổ mưa.

(Con ếch)

Hình ảnh con ếch còn gắn với hình tượng người quân tử qua câu đố:

*Đương thời hòa bình thì ẩn mặt
Gặp cơn phong vũ mới ra đời.*

(Con ếch nhảy)

*Tiếng vang rừng rậm oai kinh cạp
Minh nếp ao sâu mắt nhỏ trời,
Ăn tuyết nằm sương công chẳng quản.
Bởi lòng vì nước mới ra chơi.*

(Con ếch)

Thịt ếch là món ăn hấp dẫn, tuy vậy, trong câu đố dân gian không có dòng nào đề cập tới nó như một phần của thú vui ẩm thực trong đời sống.

Có 16 câu đố liên quan đến ốc. Hình dạng con ốc khá đặc biệt và sự đặc biệt đó được câu đố ví von so sánh như sau:

*Áo khoác xám xịt xù xì
Sống nơi gành đá lẫm li ung dung
Miệng nhe răng nhọn
Ruột xoắn, xoáy tròn
Trôn soi một lỗ cón con
Làm còi hiệu, thổi - núi non vang rền.*

(Ốc tù và)

*Minh tròn trùng trục
Đầu nhọn, miệng tà la
Đi gàn, chẳng dám đi xa
Muốn đi thì phải mang nhà đi theo.*

(Con ốc)

*Ruột xoắn lò xo
Miệng tun hút tò vò
Vừa lếch vừa bò
Loanh quanh gành đá.*

(Con ốc)

Đi thời mở cửa, về thời đóng cửa.

(Con ốc)

Hình dáng bên ngoài của con ốc cũng được ví von khá lạ bằng những hình ảnh như cô thiếu nữ:

*Yếm nàng nịt
Áo nàng gài
Nàng yêu ai
Nàng queo đít.*

(Con ốc)

*Ruột không lấy làm quý
Áo quý vô cùng
Sống ở biển Đông
Người người có công mò bắt.*

(Ốc xà cừ)

Ốc còn được ví von như một con vật lạ đối với người nghe. Đây là câu đố khó bởi những gợi ý không thông thường gắn với con vật bình thường là ốc:

*Không chân, không tay, không mắt, không mũi
Lủi thủi mà đi cu li không đầu.*

(Con ốc)

Bản khác:

Không chân, ... lủi thủi mà đi, đi đến đâu hay đến đó.

(Con ốc)

Ốc là con vật có giá trị trong văn hóa ẩm thực. Thịt ốc ngon, giòn, nấu canh riêu, xào lá lốt, nấu với bún đậu v.v. là những món ăn dân dã nổi tiếng - nay đã đi vào danh mục đặc sản. Thịt ốc được ví như là:

Vừa bằng hột lạc, trong nạc ngoài xương.

(Con ốc)

Tập tính sinh hoạt của con ốc được phản ánh khá chính xác qua quan sát của người đồ:

Cũng đồng một bạn con di

Chị thời đẻ trứng, em thời đẻ con.

(Ốc bươu và ốc mút)

Hai chị em cùng ở một làng

Chị thời đẻ trứng, em thời đẻ con.

(Ốc bươu và ốc mút)

To bằng quả ổi, vừa nổi vừa chìm.

(Con ốc)

Mềm không phải mềm bò, mà lại mềm bò.

(Con ốc)

Thu thi, thủ thi, thù thi

Vừa ăn, vừa ỉa, vừa đi một đầu.

Bản khác:

*Tù ti, túc tích, tù ti
Vừa ăn, vừa ngủ, vừa đi một đầu.
Tù ti, tú tí, tù ti
Vừa ăn, vừa ỉa, vừa đi bằng mồm.*

(Con ốc)

Rạm là con vật sống ở vùng nước lợ. Đồ về con vật này là câu đố gọi hình ảnh nhưng thuộc loại câu đố khó:

*Có chân mà chẳng có tay
Con mắt thì có, lông mày thì không
Có da mà chẳng có lưng
Con mắt thì có mà không có mày.*

(Con rạm)

*Tôi là con gái cấm cung
Hoành hành địa hạ, vẫy vùng nước non
Bắt tôi cơm ngọt canh ngon
Giận thay có kẻ nó lòn tay vô.*

(Con rạm)

Có 3 câu đố về sò, trong đó có 2 câu đố về con sò huyết, 1 câu đố về sò, hến nói chung.

Đặc điểm nhận dạng của sò huyết được đề cập đến khá cụ thể:

*Khum khum như cái bàn tay
Mồm rộng toàng toạc ngậm ngay hột hồng
Hai bên có hai hàng chông
Bảo vệ hột hồng đỏ loét bên trong.*

(Con sò huyết)

Miệng ngậm máu tươi

Mình mặc áo giáp

Ở dưới bùn thì hạp

Ở trên bãi không ưa

Không thiếu không thừa

Hai hàm răng đều đặn.

(Con sò)

Rươi và sam đều chỉ có một câu đố về loại này. Những lời đố là những gợi ý rất sát vật đố:

Con gì tí tở tí tở

Người đi dưới nước, bóng đi trên trời.

(Con rươi)

Cho hay duyên nợ bởi trời

Vợ chồng âu yếm chẳng rời nhau ra.

(Con sam)

Có 2 câu đố về sứa, nội dung câu đố là những từ tả về hình dáng và tính chất của loài vật này. Nội dung câu đố cũng cung cấp địa chỉ thường có nhiều sứa ở Việt Nam - thành phố Nha Trang:

Có thịt không xương

Nổi trôi trên mặt nước

Phận hèn người rủ lòng thương

Gởi đi du ngoạn phố phường Nha Trang.

(Con sứa)

*Nằm trên mặt nước
Chân bước giữa sông
Biết đâu bên đục bên trong
Gió đưa sóng đẩy bênh bồng lang thang.*

(Con sứa)

Chỉ có một câu đố về tép. Đặc điểm của con tép bé nhỏ cho người đố thông tin khá thú vị: Tuy nhỏ nhưng vẫn đầy đủ các bộ phận, trong đó râu tép là đặc điểm nhận dạng để người giải đố có thể đưa câu trả lời đúng:

*Chú mày con nít khéo bày
Để râu thì dọa ai đây được nào
Tháng năm nắng hạn xôn xao
Để nấu tôm cở, kêu gào cong đuôi.*

(Con tép)

Thể hiện trong các câu đố có đề cập tới con tôm nói chung và các loại tôm khác nhau. Thậm chí, cái *râu tôm* cũng trở thành đối tượng của câu đố dân gian. Đặc điểm chung của tôm là nhiều râu và cơ quan bài tiết gần phía đầu:

*Dao cắm ở trên đầu
Mình lại ngắn hơn râu...
Đầu khóm trúc, đuôi khúc rồng...*

(Con tôm)

*Mới sinh đầu đã là già
Lưng còng khom riết, râu dài đuột sông.*

(Con tôm)

Trẻ con cho chí ông già
Trên đầu chứa cứt, râu ra đầy mồm.
(Con tôm)

Chân gân đầu,
Râu gân mắt
Lưng co quắp
Nhảy rất nhanh.
(Con tôm)

Khi tôm trở thành món ăn thì cũng trở thành đối tượng câu đố:

... Đến khi cho vào lửa
Toàn thân lại đỏ au.
(Con tôm)

... Sinh thì bạch, tử thì hồng.
(Con tôm)

Hình dáng của con trai được thể hiện qua câu đố như sau:

Lâm lì nằm ở đáy sông
Áo ngoài xám xịt mà trong nhiều màu.
Suốt ngày chẳng thiết đi đâu
Thè lè chiếc lưới trắng phau liềm bùn.
(Con trai)

Con trai cũng được đánh đố với những người trai tráng.
Đây là hiện tượng đồng âm dị nghĩa trong tiếng Việt:

... Một mình vui thú giang hồ,
Vợ thì không dạm, các cô đứng nhìn.

*Trai thanh tân vui thú giang hà
Sao anh trẻ mãi không già hả anh?*

d) Câu đố về côn trùng

Có 115 câu đố về 25 loại côn trùng, chúng tôi có thống kê những côn trùng có thể dùng phục vụ ẩm thực của người Việt như sau: Cà cuống, cào cào, đế, tằm, kiến, ong.

Những côn trùng không đưa vào thống kê: bọ chét, bần hàn, bọ hung, bọ ngựa, chấy, chuồn chuồn, cuốn chiếu, đom đóm, gián, hát bội, mạt, mọt, muỗi, rận, rệp, ruồi, sâu róm, tò vò, ve.

Cà cuống là côn trùng có mùi hương đặc trưng trong nghệ thuật ẩm thực dân gian. Dùng thủ pháp đánh đồ bằng chữ Hán - Nôm, đây được đánh giá là câu đố khó đối với tầng lớp bình dân. Phải chăng đây cũng là một trong những lý do để thấy rằng hương cà cuống là thứ gia vị quý - mà không phải ai cũng có điều kiện thưởng thức?

Phi điều, phi ngư, cư tại thủy

Cấu mục vi sào thực nhục hương.

(Con cà cuống)

Một trong những thú vui của trẻ con là được đuổi bắt châu chấu, cào cào ngoài đồng ruộng. Sau đó, trẻ con tùm tùm nổi lửa nướng châu chấu, cào cào và cùng nhau "đánh chén" chiến lợi phẩm một cách ngon lành. Mấy năm gần đây, ở một số chợ lớn trong nội thành thành phố Hà Nội (Đồng Xuân, Hôm - Đức Viên, Mơ) có bày bán món *tôm bay* - đắt hàng như *tôm tươi*. Tôm bay

chính là châu chấu, cào cào lược sơ chế để thực khách về rang vàng thành đồ nhậu hoặc ăn kèm với cơm như một thứ đồ mặn. Không có câu đố nào về châu chấu. Có một câu đố về cào cào với những gợi ý về hình thức con vật khá cụ thể:

*Minh xanh mặc áo chỉ vàng
Cái ruột tím tím, cái gan hồng hồng
Ra đi dạo khắp ruộng đồng
Bốn chân chắm đất hai chân co quỳ.*

(Con cào cào)

Ế là loài côn trùng có thể dùng làm môi nhậu. Là con vật sống nơi hang đất ẩm, câu đố dân gian gọi là sống dưới *âm ty*. Tiếng ếch kêu cũng khá đặc trưng và đã đi vào câu đố:

Dưới âm ty vừa đi vừa hát.

(Con ếch)

Ngâm nga dưới bụi tre ngâm

Mày ngâm mược (mặc) kê, tre dầm mược (mặc) tre.

(Con dế)

Có 8 câu đố về tầm, bao gồm cả nói về cái kén và con nhộng (trong đó có một câu đố về tầm và đĩa). Trước đây, người ta chỉ ăn nhộng - được coi là thức ăn cho đạm cao và rất đời thường dân dã. Với món nhộng, người ta có thể rang, xào đều ngon và lành, hấp dẫn. Gần đây, con tầm non cũng được sử dụng trở thành một món ăn đặc sản. Tầm non còn được ngâm rượu - một loại đồ uống được cho là bổ dương. Những câu đố về con tầm khá hấp dẫn vì nó

phản ánh được nhiều cung bậc tình cảm khác nhau của con người trong quá trình chăn nuôi.

*Sống như khúc ruột biết bò
Chết nằm trong đám tơ vò rồi tung
Quê miền tí bāi ven sông
Trải ra muôn dải lụa vàng gần xa.*

(Con tằm)

*Trẻ thì lo ngủ
Già thì lo nghỉ không ăn.*

(Con tằm)

*Trẻ thời ăn như mây trôi gió cuốn
Già thời có đút không thèm ăn.*

(Con tằm)

Câu đố về nhộng tằm đưa ra gợi ý về quá trình ương tơ kéo kén:

*Buổi trưa ở trên non
Đem về tạo hóa làm con trong nhà
Ban xương rồi lại ban da
Làm quần làm áo vậy mà mới nên
Tới chùng hồn thác thẳng thiên
Còn một cái cặng ở miền dương gian.*

(Con nhộng)

Đố về nhộng tằm còn có những hình ảnh rất tinh tế nhưng lại gần gũi với đời sống thường ngày. Những gợi ý từ câu đố có thể rất dễ nhưng cũng có thể lại thể hiện đúng bản chất *đánh đố* người nghe:

Mặc áo thì nổi, cởi áo thì chìm.

(Con nhộng)

Mình vàng lại mặc áo vàng

Đang đi trên đàng lội xuống hồ sen

Mượn người quân tử vớt lên mình trần.

(Cái kén và con nhộng)

Bản khác:

... Thương tình chàng vớt em lên

Thẹn thay, suông sã mà quên ơn chàng.

(Cái kén và con nhộng)

Người vàng lại mặc áo vàng,

Giã ơn lòng chàng cho tấm áo sen

Giã ơn chàng đã vớt lên

Áo xin để lại, em lên mình trần.

(Cái kén và con nhộng)

Có câu đố về tằm và dĩa đi đôi với nhau - dù cho sự khác biệt giữa hai loài vật này rất lớn nhưng sự kết hợp tài tình của trí tuệ dân gian đã đem đến cho người đọc cái nhìn so sánh khá thú vị:

Con chi ăn mà không uống

Con chi uống mà không ăn.

(Con tằm, con dĩa)

Kiến cũng được liệt vào loài côn trùng xuất hiện nhiều trong câu đố (chín câu). Những từ liên quan tới hình dạng

và phân loại kiến cùng với tập tính đào hang xây tổ được phản ánh rất rõ trong câu đố về kiến. Ví dụ như:

*Con gì đi lên đi xuống
Đi dọc đi ngang đều được
Mổ ra không có máu.*

(Con kiến)

*Mình mặc áo đỏ mà có sáu chân
Làm nghề đào đất.*

(Con kiến)

*Mình mặc áo đỏ
Người nhỏ mà gan
Xây nhà lòng đất
Giỏi việc đào hang.*

(Con kiến)

*Đen vẫn gọi là đen
Vàng vẫn gọi là vàng
Đỏ thì gọi là lửa
Sống có chúa có đàn
Nhiều nhất trên thế gian.*

(Con kiến)

Kiến là loài côn trùng bé nhỏ tinh khôn. Kiến sống có tổ chức và kỷ luật cao. Tuy kiến không phải là loại thức ăn thường xuyên phục vụ nhu cầu ẩm thực của con người nhưng ấu trùng kiến non, trứng kiến lại là món ăn đặc sản dân dã rất thú vị. Gần đây, trên các phương tiện thông tin đại chúng đã đưa thông tin về món kiến đen là

một loại đặc sản tốt cho máu huyết con người. Kiến đen ngâm rượu còn được coi là phương thuốc bổ dương và làm đen tóc. Nói về sự tinh khôn của kiến, câu đố dân gian cho thông tin khá thú vị:

*Con chi nhiều nhất thế gian
Sống ở từng đàn, có chúa, có tôi
Xây nhà âm phủ khắp nơi
Mật ngọt mỡ béo đánh hơi tài tình.*
(Con kiến)

Có 18 câu đố về ong. Hình thức tổ ong và con ong được phản ánh qua câu đố rất rõ nét. Hình ảnh về con ong hiện ra mỹ miều:

*Mình vàng mà thắt đai vàng
Tiếng kêu thỏ thẻ rõ ràng trên cây
Có chân mà chẳng có tay
Con mắt thì có lông mày thì không.*
(Con ong)

*Mình vàng thắt đai châu sa
Tiếng kêu rử rử như là đàn tranh
Thân bé, cánh mỏng bay quanh
Hái hoa, bắt nhụy, xây thành nuôi con.*
(Con ong)

Nhưng con ong cũng có loại ong thợ - được miêu tả bình dị hơn:

*Một ông chứa đám,
Tám ông dăng cai,*

*Lưng đeo đá mài,
Chân đi khùng khiêng.
Nhà vàng lại đóng đố vàng
Khách đi qua đàng chẳng dám vào chơi
Khách vào khách lại nghỉ ngơi
Mẹ cháu đi chợ mua vôi tằm trâu.*

(Tổ ong)

*Trông xa tưởng cái sọt đan,
Lại gần nó đốt đau ran khắp người.*

(Tổ ong)

Loài ong là loài có kỷ luật cao, nghiêm và có trách nhiệm. Đặc điểm sinh học của loài ong được liệt tả nhân cách hóa như một đặc tính lao động cần cù, đầy tình thương và ý thức của con người:

*Xây thành đắp lũy trên non
Hái hoa nuốt nhụy, nuôi con tháng ngày.*

(Con ong)

*... Thân bé, cánh mỏng bay quanh
Hái hoa, bắt nhụy, xây thành nuôi con.*

(Con ong)

*Cái bằng nôi da, ông bà cũng hỡi
Ông vãi cũng kinh, kẻ trộm ngồi rình
Mà rình không được.*

(Con ong)

Con ong không chỉ cho mật ngọt - một vị thuốc quý trong dân gian, mà còn cho nhiều ích dụng khác như ong non -

một món ăn đặc sản của vùng núi rừng hùng vĩ. Người ta còn dùng ong - nhất là các loại ong có nọc độc như ong khoái, ong đất, ong vò vẽ v.v. để ngâm rượu. Tàng ong có khi cũng được sử dụng để ngâm rượu. Sữa ong chúa là thức ăn và vị thuốc, đồng thời cũng là sản phẩm làm đẹp được phụ nữ ưa chuộng. Sáp ong để làm chất đốt, chất phụ gia trong công nghệ in nhuộm vải của đồng bào dân tộc thiểu số:

Cái bằng cái sàng

Minh vàng như nghệ

Người trong bốn bề

Ai thấy cũng ham

Nó là vị thuốc

Người Nam quen dùng.

(Con ong)

Lỗ chỗ như mắt sàng

Trong bụng chứa đầy nước.

(Tổ ong, bụng mật)

đ) Câu đố về các loài động vật khác

Có 48 câu đố về 12 loài động vật khác. Chúng tôi có thống kê những động vật¹ có thể dùng phục vụ ẩm thực của người Việt như sau: ốc sên, ếch ương, rết, trăn, cóc, rùa, rắn, nhện,...

1. Không đưa vào danh sách: giun/trùn, thạch sùng, thằn lằn.

Ốc sên gân đây cũng trở thành một loại thức ăn để tăng độ đậm cho bữa ăn của con người. Như một loại đặc sản, ốc sên được chế biến thành món nướng, xào. Người ta tin rằng ăn ốc sên sẽ trừ được một số bệnh.

Những từ ngữ tả về con sên rất chân thực, nó là những gợi ý cho người nghe có thể tìm câu trả lời đúng một cách nhanh chóng:

Đi đâu cũng phải vác nhà

Ngủ thì lăn lóc gân xa chẳng cần

Hồ ao là chốn nghỉ chân

Mỗi khi hoạn nạn, co chân, rụt đầu.

(Con ốc sên)

Trong văn hóa ẩm thực, thịt cóc là loại thức ăn ngon, có tác dụng đặc biệt đối với trẻ còi xương chậm lớn. Trong câu đố, hình dáng cóc được ví von khá đa dạng. Da cóc sần sùi được ví như mặc áo vải sồi nhưng đồng thời trên lưng lại được miêu tả nhẵn thín (không có lông). Dân gian phổ biến truyền tai nhau kinh nghiệm: hễ cóc nghiêng răng là trời thường đổ mưa. Đồng thời, danh xưng *cậu ông trời* cũng đã quen thuộc trong đời sống dân gian. Những tập tính này của cóc được truyền tải qua nội dung gợi ý của câu đố.

Bảo tôi là cậu ông trời

Anh mà đánh đập thì trời đánh cho.

(Con cóc)

Mặc áo da sôi
Ông Trời gọi ... cậu
Hễ nghe sấm đậ
Nghiến răng liền hỏi.

(Con cóc)

Phục phà phục phịch
Tay chống chân quỳ
Biết nhảy không biết đi
Da sần sùi, mắt tò lộ.

(Con cóc)

Ễnh ương là thức nhắm tuyệt vời cho dân nhậu. Chả nhái, ễnh ương là món ăn thơm ngon, bổ dưỡng, tuy nhiên lại không có câu đố nào về con nhái. Ễnh ương có đặc điểm tiếng kêu vang to nên người ta thường gán với hình ảnh chiếc đàn bầu:

Bởi mày thổi tiếng dài hơi
Nên đàn bầu bụng học đời ở vang.

(Con ễnh ương)

Tính tình vốn hiền lành
Gặp người đều lẩn tránh
Trẻ con tìm để đánh
Vậy mà kêu ương ương.

(Con ễnh ương)

Có 3 câu đố về trăn. Con trăn có nhiều công dụng. Người ta thường sử dụng da trăn như một loại chất liệu cao cấp để

may ví, giày, thắt lưng... Con trần còn được nấu cao (toàn tính hoặc cao xương) rất quý. Cao trần bổ dưỡng cho phụ nữ và người cao tuổi. Mỡ trần chữa chốc đầu và chữa bỏng rất hiệu nghiệm. Câu đố dân gian về trần đáng nhớ nhất là:

Con gì cho mỡ cho da

Da căng làm trống, mỡ thoa chốc đầu.

(Con trần)

Có 3 câu đố về con rết. Con rết mang nọc độc, khi cắn người có thể gây tử vong. Theo nguyên lý lấy độc trị độc, người ta bắt rết ngâm rượu. Mỗi khi bị nhọt bọc, đinh râu hay các vết bầm giập của cơ thể (vết thương kín) thì xoa rượu ngâm rết lên sẽ khỏi một cách nhanh chóng. Bởi vậy, rết là con vật cũng có ích xét dưới góc độ y học. Người ta cũng ngâm rượu rết với các loại động vật có độc khác để uống như một cách tăng cường thể lực. Đặc điểm của rết được miêu tả qua câu đố:

Thân mình nhỏ nhỏ

Kẻ chữ đồ chữ vàng

Chân đi hai hàng

Không biết bao nhiêu cái.

(Con rết)

Minh bằng ngón tay

Hai dây cột chèo

Lên non rồi lại qua đèo

Chèo lia chèo lia.

(Con rết)

Mình bằng lá gầy, mười bảy cọc chèo.

(Con rết)

Có 6 câu đố về rùa. Đặc điểm sinh học của rùa (ba ba) là những gợi ý rất sát cho câu trả lời đúng:

Rủ rì rù râm

Đội nhà đi chơi

Tôi ấp nhà ngủ.

(Con rùa)

Một thằng ló cổ ra

Bốn thằng công nhà chạy.

(Con rùa)

Đụng vào lưng, đầu chân biến mất

Khi dưới nước, khi lên bờ

Dáng điệu lờ đờ,

Mang nhà mà chạy.

(Con rùa)

Con rùa trong câu đố vừa thể hiện tính linh thiêng - một trong tứ linh, lại vừa thể hiện là con vật dân dã gắn với cuộc sống trần tục của con người:

Đầu hèn cũng thể là linh

Người cho xúi quẩy uy danh còn gì

Màu đen màu vàng khác chi

Vàng thì người trọng, đen thì người khinh.

(Rùa vàng, rùa đen)

Rùa là một trong những loại đặc sản ẩm thực ở khắp ba miền. Thịt rùa (ba ba) được coi là thức ăn bổ âm, bồi dưỡng sức khỏe.

Có 7 câu đố về rắn, trong đó có 2 câu đố gắn liền với rắn - cua; 1 câu gắn liền với rắn - gà; 1 câu gắn liền với rắn - con ác dẹt vải - con kiến. Những sự kết hợp này đều trong thế so sánh và có cả yếu tố đánh đố về ngôn từ đối với người nghe.

Con gì không chân mà đi khắp rùng núi.

(Con rắn)

Tên gọi gồm ghê

Thân dài lê thê

Tay chân không có

Bò lê cả ngày.

(Con rắn)

Trong hang trong hốc, lóc nhóc bò ra

Cả huyện cùng nha, chẳng ai bắt được.

(Con rắn)

Xà lâu có đầu không cẳng

Xà lẳng có cẳng không đầu.

(Rắn và cua)

Đi đâu có đầu không cẳng

Ở đó, có cẳng không đầu.

(Rắn và cua)

Con chi chi không chân đi như gió

Con chi chi có mỏ không biết ăn

Con chi chi không răng mà cắn.

(Con rắn, con ác dẹt vải, con kiến)

Trong văn hóa ẩm thực, rần là loài đặc sản có giá trị cao về dinh dưỡng. Rần được chế biến thành 11 món khác nhau. Rần cũng được ngâm theo bộ (3, 5, 7, 9 con) để thành rượu rần có nhiều tác dụng trong chữa bệnh và bồi bổ cơ thể. Người ta tin rằng, đồ ăn thức uống từ rần sẽ giúp con người có sức mạnh và sự cường tráng cũng như chữa được một số bệnh, nhất là bệnh liên quan tới xương khớp.

Có 12 câu đố về nhện, mạng nhện, nhện ôm trứng, nhện chăng tơ. Có 1 câu đố trong đó câu trả lời và câu đố liên quan tới 4 con vật khác nhau:

Con gì kéo giẻ bụi tre

Con gì lại xếp chè he giữa đồng

Con gì đốt lửa trên không

Con gì mà lại chống mông trong vườn.

(Nhện, ếch, đom đóm, ốc)

Các câu đố tả về hình dáng bên ngoài của con nhện ôm bọc trứng:

Eo lưng mà thắt cổ bông

Mang bị hạt cải chạy rông chạy dài.

(Con nhện ôm trứng)

Eo lưng mà chẳng bò quào

Đứng dựa bên rào ôm lấy cái bao.

(Con nhện ôm trứng)

Tám cẳng quàn quại, ôm bao đứng dựa vách.

(Con nhện ôm trứng)

*Tám chân đi đất không mòn
Mà mang trống lệnh trèo hòn núi cao.*

(Con nhện ôm trứng)

*Tám tên dân lâu khêu
Khiêng bao hàng tổ bố
Không đi trên đường lộ
Mà trèo trên vách núi cao.*

(Con nhện ôm trứng)

Những con nhện chăng tơ - tập tính sinh hoạt bình thường của loài vật này cũng đi vào câu đố:

*Nơi nào cũng thích chăng tơ
Góc vườn khe tú lơ buông mảnh
Tơ gì dệt đến là nhanh
Chẳng kéo sợi, chỉ giăng thành lưới thôi.*

(Con nhện chăng tơ)

*Người ta đan võng ngủ ngày
Phần tôi đan võng đó đây đan mỗi
Ghét chi tôi, hỡi người ơi!
Nỡ nào phá bỏ, bởi hời đuối xưa.*

(Con nhện chăng tơ)

Trong thực hành tín ngưỡng dân gian, người ta tin rằng nhện là con vật mang điềm báo:

*Dữ lành sao biết đến điềm
Mà xui thiên hạ cả tin lạ lùng.*

(Con nhện)

*Muốn làm cho chủ tôi tàn
Để tôi mắc võng nghênh ngang khắp nhà.*

(Con nhện)

Có 2 câu đố về nhện sử dụng chữ Hán - Nôm để nêu câu đố:

*Nhất thân, nhị khúc
Bát túc nhị tu
Rừng rinh ngao du
Đầu lỗ khu có cái chạc.*

(Con nhện)

*Không Minh Gia Cát
Lập bát trận đồ
Đứng giữa dinh cơ
Chờ các trấn đem mình tới nạp.*

(Con nhện)

Nhện là một trong vị thuốc chữa bệnh dai dăm ở trẻ em hiệu nghiệm. Người ta bắt nhện nướng cho trẻ em ăn. Trứng nhện cũng là một vị thuốc đông y để chữa mụn nhọt. Người ta lấy trứng nhện miết lên giấy bản để thành một loại cao dán khi bị nhọt, mụn v.v..

4. Câu đố về các loại bánh

Có 60 câu đố về các loại bánh, bao gồm: bánh bao, bèo, bò, canh, chung, cúng, dày, đa, gai, hạnh nhân, hỏi, in, ít, mè lấu, rán, tét, tôm, trắng, trôi, ú, ướp, xếp, xu xê (23 loại khác nhau).

Những câu đố bắt đầu bằng một tín hiệu ngôn ngữ khá đầy đủ, mang tính gợi ý câu trả lời: *Bánh gì?*

Ví dụ:

Bánh gì mà lại bọc trong bọc ngoài?

(Bánh bao)

Bánh gì sống ở ao cùng rong rêu?

(Bánh bèo)

Bánh gì ăn củ ăn rơm?

(Bánh bò)

Bánh gì ăn diện nông nghênh với đời

(Bánh chưng)

Bánh gì côm cộm trắng bông?

(Bánh giầy)

Bánh gì ăn ít mà nhiều?

(Bánh đa)

Bánh gì nhọn tựa răng cưa?

(Bánh gai)

Bánh gì cả tháng vẫn kêu chưa vừa?

(Bánh ít)

Bánh gì bị bẹp rõ hoài?

(Bánh tét)

Bánh gì nhỏ, gọi mập đùng?

(Bánh ú)

Bánh gì nên nghĩa sớm trưa vợ chồng

(Bánh xu xê, phu thê)

Với những câu đố dạng này, sự liên hệ tới văn hóa ẩm thực được thể hiện rõ rệt theo nghĩa đen khiến người nghe

dễ dàng tìm ra mối liên hệ trong đời sống thường nhật. Đó cũng là lý do khiến câu trả lời thường xuất hiện ngay khi người ra câu đố phát biểu xong. Về bản chất, đây là những câu đố nhận dạng đơn giản, liên hệ đơn giản, do đó có lẽ thường gắn với lứa tuổi thanh thiếu nhi. Câu đố dạng này thường đem lại sự sáng khoái, vui vẻ, mang tính giải trí.

Nội dung câu đố bắt đầu bằng từ *bánh* - tín hiệu ảm thực rõ nét nhất còn được kèm theo những thông tin phụ chứa đựng từ gợi ý gắn với văn hóa ẩm thực. Chúng ta thấy xuất hiện những động từ *ăn* xuất hiện trong đó, ví dụ: *ăn cỏ ăn rơm, ăn ít, ăn điện*. Như thế, *ăn* không chỉ có nghĩa đen mà còn có nghĩa bóng (ăn điện) để gia tăng tín hiệu ngôn ngữ mang tính định hướng suy nghĩ cho người nghe. Nhìn chung, những câu đố còn lại đều mang chứa trong nó những chỉ báo mang tính miêu tả, so sánh trực tiếp theo nghĩa đen thông thường để tạo ra sự đơn giản cho câu đố. Ở đây, chúng ta có thể nhận thấy mối liên tưởng phổ biến giữa nội dung lời đố và lời giải:

Bọc trong bọc ngoài?

(Bánh bao)

Sóng ở ao cùng rong rêu?

(Bánh bèo)

Ăn cỏ ăn rơm?

(Bánh bò)

Chưng điện.

(Bánh chưng)

Côm côm trắng bông?

(Bánh giầy)

Ăn ít mà nhiều?

(Bánh đa)

Nhọn tựa răng cưa?

(Bánh gai)

Ăn cả tháng vẫn kêu chưa vừa?

(Bánh ít)

Bị bẹp rō hoài?

(Bánh tét)

Nhỏ, gọi mập ùng?

(Bánh ú)

Nên nghĩa sớm trưa vợ chồng.

(Bánh xu xê, phu thê)

Cùng với loại câu đố đơn giản liên quan đến các loại bánh nêu trên, loại câu đố mang nghĩa bóng xuất hiện nhiều hơn, tạo sự hấp dẫn, thú vị. Đó là những câu đố hàm chứa những loại tri thức tổng hợp trong cuộc sống mà đòi hỏi người giải đố phải từng kinh qua những trải nghiệm thực tế mới có được. Thậm chí, độ khó của những câu đố loại này đòi hỏi người giải phải có kiến thức rộng, mang tính liên vùng văn hóa, gắn với sự đa dạng trong ngôn ngữ lời nói và thực hành văn hóa mới lý giải được.

Câu đố về cái bánh bò được thể hiện dưới cách lý giải dân gian khá thú vị: đi khéo tức là bò; khó đi thì phải bò:

Chuột kêu rúc rích trong rương

Anh đi cho khéo, đừng giường mẹ hay.

(Bánh bò)

*Ví dầu cầu ván đóng đình
Cầu tre lắc lẻo, gập ghềnh khó đi.*

(Bánh bò)

Thật thú vị khi kết hợp tri thức dân gian ở tục ngữ:
Mất bò mới lo làm chuồng vào câu đố - là sự liên tưởng để người giải đố tìm được đáp án cho lời đố lắt léo này:

*Ngôi chơi sáu bảy anh em
Của tôi mới để mà xem (coi như) mất rồi.*

(Bánh bò)

Câu đố nói về loại bánh được xuất hiện trong danh mục đồ cúng dân gian cũng mang nhiều tín hiệu gợi mở:

*Một vũng nước vàng
Ngàn con rắn nằm khoanh
Những ngày lễ hội miếu đình
Dâng cúng trời, Phật phước lành xóm thôn.*

(Bánh canh)

Bánh chưng là loại bánh được dùng để dâng cúng, giỗ chạp. Loại bánh này gắn với ý niệm thiêng. Thể hiện trong câu đố dân gian, bánh chưng được gắn với với những hình ảnh: *thờ ba ngày tết; quý, thần linh thì tìm*. Những lời ví von trên thường được lồng ghép với những tín hiệu miêu tả hình thức và nội dung của bánh chưng như những gợi ý:

*Mình mặc áo lá
Da trắng như bông
Thất giải lưng hồng
Thờ ba ngày tết.*

(Bánh chưng)

*Ai bảo tôi có căng
Thưa không
Da thịt tôi trắng ngần
Lòng tôi vừa bụi vừa béo
Người ham muốn thì tới
Quý, thần linh thì tìm.*

(Bánh chưng)

Câu đố về bánh chưng với những gợi ý rõ ràng dành cho đối tượng thiếu niên, nhi đồng nhằm mục đích dạy các em sự phân biệt sự vật, hiện tượng qua quan sát được cụ thể hóa bằng những gợi ý ví von khá thú vị.

*Cây xanh mà giống đỗ xanh
Giống đậu, giống hành lại thả lợn vô.*

(Bánh chưng xanh)

Bản khác:

*Cây xanh xanh, lá cũng xanh
Trồng đậu, trồng hành nhốt ụt vào trong.*

(Bánh chưng xanh)

*Nhà xanh lại đánh đỗ xanh
Giữa đỗ giống hành, thả lợn vào trong.*

(Cái bánh chưng)

*Một thửa đất vuông, bốn phía xây thành
Xung quanh giống chuôi, giữa thửa đậu trồng hành
Ngoài thành trồng giang.*

(Cái bánh chưng)

Danh mục bánh cúng còn được bổ sung nhiều hơn nhờ các loại bánh trái khác nhau. Bằng nghệ thuật nói lái, bánh cúng cũng đi vào câu đố khá ngộ nghĩnh:

Con chi ở ngay bàn thánh

Tụng kinh rồi búng cánh bay lên.

(Bánh cúng)

Chợ trong không bán, bán tránh chợ ngoài.

(Bánh tráng)

Vì sử dụng nghệ thuật đánh tráo, coi đồ vật như động vật nên sự so sánh này dễ gây hiểu lầm, đây là một câu đố khó.

Quy trình sản xuất và hình thức của bánh giầy được thể hiện khá hóm hỉnh. Bằng sự liên tưởng đến người phụ nữ, sự so sánh chiếc bánh với thân phận người phụ nữ từ lúc thanh niên đến khi về già với những giai đoạn khác nhau đã phản ánh qua câu đố như sau:

Nâu nâu trắng bạch như cò

Bí ba bí bách kéo co lên giường

Nấm lưng rồi lại nấn sườn

Nấn rồi lại để lên giường kéo co.

(Bánh giầy)

Bánh giầy còn được liên tưởng phong phú khi trở thành sản phẩm hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu ẩm thực. Vòng đời chiếc bánh phải chăng cũng phần nào *giống như* số phận người phụ nữ:

Đít cô bay xanh, mình cô bay trắng

Má cô bay phấn vôi

Mâm son bát sứ đã từng ngời

Trẻ thì lấm người ước ao

Già thì bỏ bếp thiêu.

Nghĩ đường trung hiếu dẻo hơn xôi

Dem thân cho thế gian nhờ

Rồi ta mang tiếng là người bất nhân.

(Bánh giầy)

Bánh đa là thức bánh phổ biến ở nông thôn. Bánh đa gồm nhiều loại. Nổi tiếng ở miền Bắc là bánh đa Ké, mỏng, giòn và ngọt, thơm dậy mùi gừng tươi. Loại bánh đa vùng đen, vùng vàng ăn giòn, ngậy, thơm, bùi, béo cũng rất được ưa chuộng. Câu đố về bánh đa xuất hiện trong dân gian thường chú ý tới đặc điểm tên gọi, đặc điểm cảnh quan nông thôn Bắc Bộ và đặc điểm nổi bật trong việc sử dụng loại bánh này là làm chín bằng sức nóng của lửa.

Dùng từ Hán để giải thích về tên gọi của loại bánh.
Câu đố dân gian cho ta gợi ý:

Bánh gì ăn ít mà nhiều.

(Bánh đa)

... Dù còn tí tẹo,

Cũng gọi là nhiều.

(Bánh đa)

Đặc điểm của nông thôn Bắc Bộ là *cây đa, bến nước, sân đình* cũng là một gợi ý cho câu đố về chiếc bánh đa.

*Mắt em tròn trĩnh xinh xinh
Tên em cây mọc đầu đình quê ta.*

(Bánh đa)

Đặc điểm hình dáng của loại bánh này cũng được nội dung câu đố gợi ý khá kỹ và hấp dẫn:

*Đet det tròn tròn
Khô giòn ướt dẻo.*

(Bánh đa)

Bản khác:

Dình dích tròn tròn, khô giòn ướt dẻo.

Mình tròn da lại trắng tinh...

Mình tròn trĩnh trịch, da trắng tinh tinh...

(Bánh đa)

Mình đen nhanh nhánh

Lốm đốm hạt vừng

Ngoài áo thất lừng

Hoặc xanh hoặc đỏ

Trong bụng có đỗ

Lăn mỡ với cùi dừa.

(Bánh gai)

Mình tròn tròn

Mặc áo gấm xanh

Lưng đeo đai bạc trông xinh lạ lùng...

(Bánh tét)

*Không là thuyền lênh đênh mặt nước
Nước không gió sóng vỗ xô xao...*

(Bánh trôi nước)

*Mình như quả cà sứt tai
Đàng Trong thì có, Đàng Ngoài thì không.*

(Bánh trôi)

Quy trình sản xuất và tiêu thụ các loại bánh cũng được nội dung các câu đố dân gian phản ánh. Với mỗi loại bánh, với mỗi câu đố, chúng ta lại gặp những tình huống khác nhau, đôi khi, thông tin đưa ra từ nội dung câu đố khá hài hước, thậm chí lạ lùng dưới góc nhìn của văn hóa dân gian.

Về đặc điểm của loại bánh từ khi chưa nướng đến lúc nướng chín đã được câu đố cho thông tin thú vị như sau:

*Da em trắng trẻo mịn mà
Vì sưởi lửa, mụn nhọt ra khắp người...*

(Bánh đa)

Nghe nóng đến mình, ngoài da nổi mụn.

(Bánh đa)

*Một bầy gà trắng phau phau
Đem nhảy xuống ao thành bầy gà đỏ.*

(Bánh rán)

*... Đến ngày mở hội đình trung
Xiêm y tuột bỏ, vui cùng nước non.*

(Bánh tét)

*Thân em vừa dẻo vừa dai
Vừa ông lão, vừa chàng trai ưa dùng
Mảnh tình yêu áp mặn nồng
Hương vị ngày tết cho lòng đam mê.*

(Bánh tét)

*Từng từng từng dây lưng mở trước
Từng từng từng cái quần mở sau
Mượt mà duyên dáng thắm màu
Dẻo dai từ thuở ban đầu mới quen.*

(Bánh tét)

*Vườn xanh lại đóng đố xanh
Xung quanh trông hành, giữa thả lợn vô.*

(Bánh tét)

*Thân em cô chủ mang về
Băm làm trăm mảnh hòa cùng bột thơm
Bắt em làm bạn với tôm
Cho bơi “nước lạ” thành ra tên người.*

(Bánh tôm)

*Tội chi dang nắng giữa trời
Tội chi bị trói để nơi kinh thành
Tội chi vào chốn lửa xanh
Mặt cháy mày nám phần mình lao đao
Chờ khi giỗ chạp cỗ cao
Anh hùng gạ gẫm lạc vào tay ai.*

(Bánh trắng)

Sông tròn vành vạnh, nước lạnh như tiên,

Con gái như tiên, đậm đầu mà lặn.

(Bánh trôi)

Bánh gai, bánh hỏi, bánh in, bánh ít... cũng có đặc điểm nổi bật là lấy danh từ riêng (tên gọi) để gợi ý cho câu trả lời:

Bánh gì nhọn tựa răng cưa.

(Bánh gai)

Bánh gì cả tháng vẫn kêu chưa vừa?

(Bánh ít)

Bánh gì bị bẹp rồ hoài.

(Bánh tét)

Bánh gì nhỏ, gọi mập đùng?

(Bánh ú)

Bánh gì nên nghĩa sớm trưa vợ chồng.

(Bánh phu thê/xu xê)

5. Câu đố về vật dụng ẩm thực

Những câu đố liên quan đến vật dụng ẩm thực được chúng tôi lựa chọn từ những công cụ lao động gia đình quen thuộc, những vật dụng sinh hoạt phục vụ cho quá trình lao động sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ/hưởng thụ thành quả lao động đó qua hoạt động ẩm thực như sau: Búa bổ củi, cái dầm, cái mai (cái thuổng), cái môi (cái muôi, cái vá), cái xẻng, bập lửa, chậu, chén, đồng hồ, cái giỏ, đồ gôm, kệ, khăn, mê thúng, cái mủng, cái muống, nút chai, cái phản, cái vò, cái nia, cái nong, cái xà beng,

cái bồ, cái chai, cái giường, cái hũ, lồng chim, cây nén, quả đưng đồ, cái rế, cái thùng, cái bao, hòn đá mài dao, cái chum, cái gióng (tre), cái gối, cái thớt, cái quang, chõ xôi, cái ô, cái ghế, cái khóa, cái mâm, ống nhổ, cái bàn, chày giã gạo bằng tay, cái bát, cái bình, quạt, võng, đòn gánh, nón, con dao, cái chổi, cái gáo, trầu, cái bát, cái diều, dũa, cái ấm, bếp, cái cân, cái đèn, cối xay, cái nôi.

- *Những câu đố đề cập đến công cụ / dụng cụ bếp núc:*

Có 1 câu đố về búa bổ củi với những gợi ý khá gần với thực tế:

*Đầu là sắt, đuôi là gỗ
Không có nó, củi không thành.*

(Cái búa bổ củi)

Chày giã gạo được thể hiện trong 5 câu đố dân gian. Bằng những từ gợi ý rất gần gũi với hình dáng của chiếc chày, câu đố cho ta nguồn gốc và hình dạng của đồ vật này, đồng thời cũng nói đến công dụng đích thực của công cụ khi nó giúp ích nhà nông:

*Chính giữa teo, hai đầu nở
Không thoa mỡ, mà láng trơn.*

(Chày giã gạo bằng tay)

*Không chân thường có hai đầu
Cối bàn thịnh soạn thường cầu đến tôi
Nhác lên đập xuống liền hồi
Đau tôi, tôi chịu, xin người mạnh tay.*

(Chày giã gạo bằng tay)

Có 13 câu đố về cối giã gạo, trong đó có 5 câu đố liên quan trực tiếp tới chủ đề đề tài đang bàn. Nội dung những câu đố này thường tả về hình dáng và hành động giã gạo nhưng coi nó một hoạt động có tính chất ẩn thực.

*Không ăn thời mỗ cuống cuống
Mệt nhòai đứng chống ra tuồng đứng đứng.*

(Cối giã gạo)

*Có chuôm mà chẳng có chà,
Có hai con cá nhảy vào, nhảy ra.*

(Cối giã gạo)

*Có mình mà chẳng có chân
Có đầu có mỏ, cái thân rō dài
Còn đôi cánh thiếu cả hai
Ai đem cho gạo mỗ hoài không ăn.*

(Cối giã gạo)

*Không ăn mà mỗ cuống mỗ cuống
Đục một cái chuông nhốt lấy cái đuôi.*

(Cối giã gạo)

Có 26 câu đố về cối xay lúa, cối xay bột, cối xay đỗ, ngōng cối với những từ so sánh ví von gợi ý về hình ảnh của chiếc cối xay (bột, đỗ, lúa) khác nhau.

Đố về chiếc cối xay bột:

*Ông nằm dưới, bà nằm trên
Bà vừa chạy, vừa rên
Ông để hở hênh, mưa ra nước đục.*

(Cối xay bột)

*Đũa nằm trên đũa dưới
Đũa dưới đũa chống đũa trên
Lúc lắc, lúc lắc xoay vòng
Phành mông ra hứng nước.*

(Cối xay bột)

Đố về chiếc cối xay đồ:

*Đào thành, đắp lũy cho cao
Tay bưng chén ngọc đổ vào trong non
Trong non có cái tròn tròn
Có người thực nữ ru con hời hời.*

(Cối xay đồ)

Đố về chiếc cối xay lúa thì rất đa dạng:

*Bưng một thúng ngọc,
Đổ vào thâm cung
Thâm cung có ruột tròn tròn
Có răng mọc chép, khe mòn xoay quanh
Nuôi con ở vậy một mình
Có người quân tử cảm tình hát ru.*

(Cối xay lúa)

Cối xay lúa còn được ví von như cô gái:

*Cô kia con cái nhà ai
Thất lạng nhiều trắng, lỗ tai đeo tằm
Đứng bên nghe tiếng rì rầm
Ru đi ru lại âm âm bên tai.*

(Cối xay lúa)

Cối xay lúa cũng được diễn tả khá thú vị:

Cho ăn thì tôi ăn

Trì kéo chi cho khổ

Con người đều có số

Cho ăn thì tôi ăn...

Trì kéo nhùng nhằng

Tôi đêch sợ.

(Cối xay lúa)

Có 9 câu đố về con dao với tình trạng sắc và cùn đều được phản ánh trong câu đố:

Cái gì lưỡi trắng mình ơi

Liếm tre, tre toạc, liếm người, người đau.

(Con dao)

Có cay mà chẳng có thơm

Có mũi không mũi lại chẳng có tay

Không mũi mà có lưỡi dài

Liếm ai chết nấy, có tài mà ghê.

(Con dao)

Thiếu miệng, thiếu răng, lưỡi lại dài

Sắc, nên nhai thịt cá rất tài

Lưỡi cùn lại đem ra mài lại

Đến sắc rồi tiếp tục "cắn, nhai".

(Con dao)

Câu đố về đá mài nói về tính chất đặc biệt của công cụ này - dùng để mài sắc dao, kéo...

*Của tôi tôi để đầu hè
Ai ai cũng đến, cũng đi của tôi
Không cho thì mịch lòng người
Cho thì ướt át của tôi thế này.*

(Hòn đá mài dao)

Có 8 câu đố về đòn gánh, một công cụ hữu dụng cho công việc nhà nông với những ví von khá thú vị mà gần gũi với đời sống lao động ở các vùng quê:

*Chính giữa cây cầu
Hai đầu hai giếng.*

(Đòn gánh và hai thùng nước)

*Có đầu mà chẳng có đuôi,
Khúc giữa thì cứng, hai đuôi lại mềm.*

(Đòn gánh)

*Tao tạo ra mày
Mày đè vai tao.*

(Đòn gánh)

Cùng loại với những công cụ đã nêu, chúng tôi còn thấy xuất hiện những câu đố về cái nông, cái quang gánh, cái xẻng, cái xà beng.

Có 15 câu đố về cái ấm nước, ấm đun nước, ấm chén, tích nước, bình tích. Những câu đố này cho ta hình dáng và công dụng cụ thể:

Mình tròn vành vạnh, nước chảy quanh co
Thăng cộc xuống mò, cá rô lặn cả.
(Ấm nước đun sôi, lấy gạo đơm cho lá trà chìm xuống)

Có mẹ hẳn là có con
Mẹ một, con bốn tròn tròn xinh xinh
Việc nhà việc nước đình ninh
Một nhà con mẹ nặng tình quốc gia.
(Bình chén uống trà)

Có những liên hệ khá thú vị về ấm nước:

Con chi có vòi có vòi
Không chân không cẳng có đôi tay dài
Bụng thì như con cóc mài
Ăn thì chẳng muốn, cả ngày đái luôn.
(Ấm nước)

Cái bàn cũng có những câu đố liên quan đến chủ đề
ấm thực:

Mẹ tròn tròn
Đẻ ra mười đứa con
Nuôi nấng được vuông tròn
Có chắc không có lép
Sống quây quần bên mẹ.
(Bàn tròn và ghế đẩu)

Có 3 câu đố về cái bao bố/bao bì:

Không ăn thì dới
Ăn vào bị trói.
(Bao bì)

Có 14 câu đố về cái bát phản ánh cách tiếp cận và đánh giá khác nhau của tư duy dân gian về vật dụng thiết thực trong nhà bếp: cái bát, bát sứ, chõng chén bát, rổ bát, bát nước, chạn bát, bát rửa rồi được xếp lại:

Ăn thời nằm giữa

Ngủ thời nằm sắp

Đứa lớn làm anh ông cha

Rủ nhau ra tắm giang hà

Ngày hai ba bận trẻ già lội bơi.

(Chén bát)

Cha mẹ sinh ra tám tuổi tròn

Ăn khắp trăm tiệc đủ miệng ngon

Lưng còng còng đem hoa gắm vóc

Dù anh đánh sát da chẳng mòn.

(Bát sứ)

Chõng mông, chõng mông, chõng mông

Chõng qua chõng lại, chõng không thiếu gì.

(Chõng chén bát)

Tròn vành vạnh, trắng phau phau

Ăn no tắm mát, rủ nhau đi nằm.

(Rổ bát)

Có 17 câu đố về bếp gồm đề cập tới ông đầu rau, táo đất kiếng sắt, bếp nấu cơm, thậm chí mối quan hệ giữa ông táo và nồi cơm, ông táo và ông bình vôi cũng được phản ánh:

Ba cần câu cắm một chòm

Bà cá lóc nhỏ nhảy lon xon

Cá lóc lớn chạy lại dòm.

(Ba ông táo, nồi cơm và đầu bếp)

Ba cây một quả, ra rả những hột.

(Ba ông đầu rau và nồi cơm)

Ba ông đội đít một ông

Ông lớn ông nhỏ chẳng không ông nào

Chẳng hổ thẹn, lại tự hào

Cả nhà đùa giỡn, xôn xao tiếng cười.

(Bếp lửa, ông Táo và nồi cơm)

Ba ông lỏng thỏng

Công bà bụng to

Bà ăn vừa no

Ho lên sù sụ.

(Ba ông táo và cái nồi)

Những câu đố tiếp tục phản ánh về những dụng cụ nhà bếp được đề cập cũng đều cho biết hình dáng và công dụng hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp gắn với việc bếp núc, nấu nước, phục vụ nhu cầu ẩm thực của con người tương tự như những ví dụ minh họa chúng tôi tạm dẫn ở trên.

6. Câu đố về sinh hoạt ẩm thực hằng ngày của con người

Những câu đố phản ánh thuộc loại này không nhiều (63 câu), cụ thể, chúng tôi có thống kê như sau: Và cơm,

ăn mía, đơm cơm, múc nước đổ vào bát, ghế cơm bằng đôi đũa cả, giã trầu, mời trầu, nấu ăn, nấu cơm, tằm trầu, trèo cây, vo gạo, ăn trầu, đúc bánh xèo, cầm bó rơm đi xin lửa, trèo cau, ăn cơm, cho con bú, xỏ (xâu) kim, hút thuốc, rang bắp (ngô).

Các công đoạn từ vo gạo đến nấu cơm, ăn cơm là những câu đố được phản ánh nhiều nhất trong mục từ này. Đây là những sinh hoạt thường ngày quen thuộc, gần gũi nhưng khi phản ánh qua câu đố, nó lại được nhìn nhận bằng một sự đánh giá, so sánh, ví von khác lạ, thậm chí xa lạ - nên người nghe không có những tư duy liên tưởng phong phú.

Đố về vo gạo:

*Con ai trắng tợn như bông
Đem ra mà tắm giữa sông Ngân Hà
Cọ kỳ nước đục chảy ra
Nước đục chảy hết, ngọc ngà trên tay.*

(Vo gạo)

Đố về nấu cơm được liên hệ với hình ảnh cô gái, san sẻ tình cảm với người yêu của mình. Đây là câu đố mà hàm nghĩa của nó đề cập không gồm những gợi ý để người nghe có thể dễ dàng đoán ra câu trả lời - thuộc loại câu đố khó:

*Mây thương ai mây về ải bắc
Nước thương ai nước giặt về tây
Gái thương ai gái nhảy nửa ngoài nửa trong.*

(Nấu cơm)

Câu đố này liên tưởng đến việc nấu cơm bằng rơm, bằng củi - mất nhiều sức của người lao động - những gợi ý từ câu đố có thể hiểu là gợi ý về hành động vất vả của người đun bếp.

Cùng với nấu cơm còn có câu đố về việc nấu ăn - bằng bếp có kiêng ba chân nói chung:

Ba bề có cửa cả ba

Kẻ buôn người bán tốp ra tốp vào

Ở giữa có ngọn củi lao

Sóng đánh ba đào dưới đám mây xanh.

(Nấu ăn)

Cùng loại với việc nấu nướng còn có 2 câu đố dân gian phản ánh việc xin lửa. Đây là một trong những công việc hay xảy ra khi nấu bếp của người dân trước đây. Thường thì người ta cầm bó rơm đi xin lửa - gọi là mời rơm:

Chửa chết đã đem đi chôn

Chửa ra đến ngõ, vạch l... xem ghe.

(Người cầm bó rơm đi xin lửa)

Chửa chết đã đem đi chôn

Chửa ra đến ngõ, vạch b... xuống tè.

(Người cầm bó rơm đi xin lửa)

Quá trình nấu ăn - nấu cơm còn được phản ánh qua câu đố về hành động ghế cơm bằng đũa cả:

Sông Thao nước đục lơ đờ
Có hai thằng bé đánh cờ giữa sông.
(Ghế cơm bằng đôi đũa cả)

Bản khác:

Sông Thương nước chảy lơ đờ
Có hai thằng nhỏ vật vờ giữa sông.
(Ghế cơm bằng đôi đũa cả)

Tiến hành bữa ăn cơm là hành động “đơm cơm”, “xới cơm”, “và cơm”. Có khá nhiều câu đố liên quan đến hành động ăn cơm:

Cây chèo bằng tre, chiếc ghe bằng sành
Chèo quất, chèo quanh, chèo nhằm lỗ hẻm.
(Ăn cơm)

Bản khác:

Dâm thì bằng tre
Ghe thì bằng sành
Chèo quất chèo quanh
Chèo vô lỗ hẻm.

Ăn cơm còn có những liên hệ ngộ nghĩnh như các hành động đuổi cò, lừa ngỗng, đuổi trâu vào hang.

Một bầy cò trắng
Ăn tại mé ao
Xách hai cây sào
Đuổi vô ngõ tối.

(Ăn cơm)

Một chiếc thuyền

Hai mái chèo

Chèo qua chèo lại, chèo chui vô lỗ.

(Ăn cơm)

Một chiếc thuyền

Hai mái chèo,

Chèo qua chèo lại

Chèo quất chèo quanh

Thuyền cập mé gành

Bốc hàng vào lỗ.

(Ăn cơm)

Năm thằng cầm hai cái sào,

Đuổi đàn trâu trắng chui vào trong hang.

(Ăn cơm)

Bản khác:

Năm thằng vác hai cây sào

Lùa đàn ngỗng trắng chui vào trong hang.

Câu đố về hành động “và cơm”:

Thuyền sử, chèo ghe

Ô quân ta hề, đút vô lỗ hồng.

(Và cơm)

Hành động đơm cơm - xới cơm từ nổi ra bắt được phản ánh qua câu đố:

*Ở ngoài da đen đũi
Ở trong ruột trắng bông
Một tay mở Đào Nguyên động
Một tay cầm hai cái xuống đào lung tung
Mây cuộn cuộn bay lên cứu trùng
Thuyền con năm bảy chiếc sang sông chở hàng.
(Đơm cơm)*

Các câu đố diễn tả hành động rang ngô, đúc bánh xèo cũng được câu đố diễn tả bằng những cụm từ ví von, so sánh với những gợi ý về quy trình sản xuất - chế biến các món ăn này khá gần gũi:

*Bên này sông có cái hồ loang lỗ
Bên này sông có cái lỗ hang lỗ
Lấy vớt đơn cô
Mức nước hồ loang lỗ
Đổ vô lỗ hang lỗ
Lấy áo bành tô
Khoác vào nó, kêu cái quáo...
(Đúc bánh xèo)*

*Một bà ở đợ bốn năm nhà
Trong nhà thì củi đước ngoài là hồ ao
Vừa nuôi tôm vừa nuôi heo
Vừa lo đúc giá xiết bao nhọc nhằn.
Cũng vì cái mặc cái ăn
Mà trong cuộc sống khó khăn bao nài.
(Đúc bánh xèo)*

Có 8 câu đố về hành động rang ngô - rang bắp được diễn tả vừa bằng hình ảnh dân dã, hồn nhiên, vừa bằng hình ảnh ví von về trận đánh¹ mà phải là người có hiểu biết về tích truyện Tàu thì mới có thể nắm bắt thông tin để tìm ra câu trả lời đúng².

1. *Súng không phải là súng*

Pháo không phải là pháo

Đì ùng nổ liên thanh

Trong cái ang sành

Ang còn nguyên không bể.

(Rang bắp)

Sông sâu giếng hoắm, cờ cắm tứ vi

Kẻ chọi ta thì đánh nhau lớp lớp.

(Ngô rang)

2. *Đông Ngô Gia Cát trộn lẫn vào nhau*

Thằng nào nhảy ra, bắt chém lấy đầu chôn lập tức.

(Rang ngô bắp)

Gia Cát đánh nhau với Đông Ngô

Đông Ngô thua Đông Ngô bỏ chạy

Gia Cát dồn nhau đánh trận sau.

(Rang bắp)

Khen thay Gia Cát mưu cao

Hỏa quân một trận quân Tào tởm

Đông Ngô thua thét chạy cờ

Gia Cát còn chờ đánh quyết trận sau.

(Bắp rang - Gia Cát: cát dễ rang, Đông Ngô là bắp ngô)

Bên cạnh sử dụng từ đồng âm dị nghĩa: Đông Ngô tức là bắp ngô; Gia Cát (Gia Cát Lượng)¹ tức là cát rang nóng với ngô để ngô tự nổ nhờ sức nóng của cát rang, hành động người con gái ngồi rang ngô còn được ví von với trận chiến của các ông Trạng dân gian:

*Khen người thực nữ có tài
Tay cầm song kiếm đánh hoài trận trung
Trên trời pháo nổ đùng đùng
Dưới thời hỏa trọng tứ tung ngũ hoành
Trạng Ngô thất trận chạy kinh
Còn ông Trạng Cát địch kinh Trạng Mo.*

(Rang bắp)

Rang ngô còn được ví von rất hóm hỉnh với hình ảnh gia đình gần gũi:

*Hai người đánh ngã ngàn người
Rặc rặc tiếng cười ở tại nha trung
Hai người ở tại nha trung
Đánh cho một lúc nổ bông hoa lài.*

(Rang bắp)

1. Gia Cát Lượng tự là **Khổng Minh** (181–234), hiệu là Ngọa Long tiên sinh, là vị quân sư và đại thần của nước Thục thời hậu Hán. Ông là một chính trị gia, nhà quân sự, học giả và cũng là một nhà phát minh kỹ thuật. Trong quân sự, ông đã tạo ra: bát quái trận đồ, Liên nổ (nổ Liên Châu, tên bắn ra liên tục), mộc ngư lưu mã (trâu gỗ ngựa máy). Tương truyền ông còn là người chế ra đèn trời (Khổng Minh đăng - một dạng khinh khí cầu cỡ nhỏ) và món màn thầu.

Mẹ đánh con, con cười rặc rặc
Rặc rặc con cười, mẹ đánh ngát ngo
Rồi một khấc, rồi một giờ
Con hết cười, mẹ đành thôi đánh.

(Rang bắp)

Các hành động trèo cau, giã trâu, mời trâu, tằm trâu, ăn mía, trèo cây... cũng thể hiện trong câu đố dân gian. Nhiều hơn cả là những câu liên quan tới tục ăn trâu:

Câu đố về trèo cau:

Chân trói, tay bấu, khu lấc¹, mắt nhìn.

(Trèo cau)

*Hai chân thì trói
Hai tay thì chéo
Cái đít thì lấc
Con mắt nó chừng.*

(Trèo cau)

*Tay bấu, chân kẹp
Cái đít nhấp nhồm
Con mắt thom lom.*

(Trèo cây)

Hành động tằm trâu được ví von đánh đố như sau:

*Chặt đuôi rồi lại xẻ mình
Thấy chàng mặt trắng bèn rinh vào lòng.*

(Tằm trâu)

1. Chúng tôi cho rằng phải viết là *khu lấc* thì mới đúng “khu” tức là “mông đít”.

Tục ăn trâu còn có hành động giã trâu đối với những người nghiện trâu thuốc nhưng răng yếu (hoặc móm). Người ta đổ về giã trâu như sau:

Ba thằng xuống tắm ao tròn

Hai thằng mất thịt, một còn xương không.

(Giã trâu)

Những câu đố về sinh hoạt ẩm thực hàng ngày của con người còn bao gồm cả hút thuốc lào, hút điếu bát. Có 8 câu đố đề cập tới việc này khá thú vị:

Đốt củi ở dòng suối

Hơi bốc trên đỉnh núi.

(Hút thuốc lào)

Xin lửa ông táo, đốt đầu ông sư

Sấm động ù ù, rồng bay pháp phôi.

(Hút thuốc lào)

Năm thằng vịn lấy một cầu

Năm thằng đốt rú, mây bầu kéo lên.

(Hút thuốc điếu bát)

Sông sộc ôm lấy ngang lưng

Vỗ miệng ba cái tráo trâng làm liêu

Làm rồi lại để một bên

Của mua mất tiền lại lử lử lư.

(Hút điếu cày)

Những từ gợi ý về hành động hút thuốc với hình ảnh rất phần thực¹:

*Một ống thẳng đứng
Thò lò một núm vú
Không bú đằng vú, mà bú đằng mồm
Vú thì đốt, miệng thì nút
Nút một hồi, sục sục nước sôi
Rút ống rồi, nằm ngửa xem mây.*

(Hút thuốc lào)

7. Câu đố về kiến thức âm thực

Cắt ghép vần tạo thành từ có nghĩa vốn là sở trường của người nông dân dí dỏm đầy chất trí tuệ sau lũy tre

1. Phần này còn có 5 câu đố về hành động khâu kim mang yếu tố phần thực rõ nét. Ví dụ câu đố về việc xỏ kim:

*Cái đầu nhúc nhích
Cái đít lắc đôn
Hai sợi lòn tròn
Sợi dài, sợi ngắn.*

(Xỏ kim)

Hoặc câu đố:

*Châm châm mút mút
Đút vào lỗ tròn
Thò hai cái lông
Cái dài cái ngắn.*

(Xâu chỉ vào kim)

*Thò chân ra, tay xoa miệng mút
Thụt cẳng vào, nheo đút lỗ tròn.*

(Xâu kim)

làng thường đổ nhau để giải trí sau những giờ lao động vất vả. Họ thể hiện trong đó sự thông minh thuần khiết và hóm hỉnh mà đối tượng được đề cập đến trong câu đố cũng thật đa dạng. Chúng tôi tạm chia nội dung các từ của câu đố liên quan đến kiến thức ẩm thực thuộc về thực vật và động vật.

a) Những câu đố mà lời giải đề cập đến nhóm thực vật

Thêm bớt vần để tạo thành những tiếng, từ mang âm hưởng cuộc sống là điều mà câu đố dân gian thường sử dụng một cách tinh tế. Nó khiến cho người ta nghĩ ngay đến những loại quả thông thuộc trong vườn nhà hay những thứ mà nhà nông thường dùng trong việc chăn nuôi. Ở những câu đố loại này, chúng tôi bắt gặp các loại thực vật: cây cau, cam, bí, cà, cây, cọng, củi, dưa, dứa, dưa, đào, me, hoa, huệ, lê, lúa, mạ, muống, na, rùng, táo, trâu, rau. Ví dụ:

Đẻ nguyên nước để ăn

Thêm sắc sẽ bay tràn

Huyền về đây quả bám

Hỏi đến đẹp vẫn thơ.

(Chữ canh, cánh, cành, cảnh)

Có sắc là một trái thơm,

Có huyền ăn ruột, vỏ còn xe dây

Không dẫu là trái gì đây

Thêm nặng lưng nó tỳ ngay vào tường.

(Chữ dứa, dưa, dưa, dứa)

Mang tên một thứ quả ngon
Thêm nặng, nước mắt tuôn rơi chữ gì?
Thêm huyền viết phải trừ đi
Thêm "u" dã ngoại là gì mang theo?
(Chữ lê, lệ, lể, lều)

Tôi là một thứ trái cây
Có sắc, miền núi truyền tay nhau cầm
Thêm trính rộn rã âm âm
Phản nghĩa với "quân" vì đã mất "en"?
(Chữ na, ná, náo, áo)

Tiếng Hán dùng để gọi răng
Thêm huyền là chỗ ở, ăn hàng ngày
Nhờ mà cao chạy xa bay
Là đầu mẩu tự đêm ngày ngâm nga
Lần này "en" lại mọc ra
Là một thứ quả mà ta thích dùng?
(Chữ nha, nhà, a, na)

Cắt đuôi thì điếc tai anh
Cắt đầu thành quả trên cành cây cao
Không ai cắt xén thì sao
Lênh đênh, mặt nước chẳng bao giờ chìm.
(Chữ nổ, ỏi, nổi)

Em là hai lá trong người,
Khi thời xẹp xuống, khi thời phồng lên,
Từ khi mất đứt nửa trên,
Thành một thứ quả không nên ăn nhiều?
(Chữ phổi, ổi)

*Em thì luôn miệng hát vang,
Muốn thân tắc thuốc thì thêm "o" vào
Thay "u" là thứ quả nào
Thêm "m" thành trái ngọt ngào quý ghê?
(Chữ ca, cao, cau, cam)*

*Em là một thứ quả ngon
Cỏ bờ thành một miếu con ven đường
Sắc vào hóa tôi tắm luôn
Hỏi đi với "đạm" thành buồn gồm ghê?
(Chữ cam, am, ám, ảm)*

*Để nguyên - là quả em ăn
Thêm sắc - thì chỉ để dành lợn thoi
Thay hỏi - thì cảm mất rồi
Mau tìm thuốc uống hay nôi lá xông.
(Chữ cam, cảm, cảm)*

*Tôi là một thứ trái cây
Hỏi vào ra nắng sẽ ra bệnh này
Hỏi đi, dấu sắc tới ngay
Thành ra thứ để cho bầy heo xơi.
(Chữ cam, cảm, cảm)*

*Tôi là bạn của nho, cam
Bỏ "tê" may cắt đem làm, không sai
Nếu tôi bỏ cái đuôi ngoài
Thì thành ngay chục mười hai, chữ gì?
(Chữ táo, áo, tá)*

Đôi khi lại mượn sử hoặc nhân vật lịch sử để nói đến một thứ quả vô cùng gần gũi:

*Trong đời Tam Quốc có mi
Gian hùng, mà lại đa nghi, giả hình...
Từ khi bỏ hát giữa mình
Thành ra thứ quả xinh xinh tròn tròn.*
(Chữ tháo, táo)

*Nửa trên là kẻ ăn chay
Nửa dưới là một trái cây rành rành?*
(Chữ tu, ổi, tuổi)

*Có sắc chẳng làm đẹp người
Mà làm no bụng người đời mới hay
Đeo nặng thì lại đổi thay
Vừa bền vừa đẹp xưa nay tiếng đồn.*
(Chữ lúa và chữ lựa)

*Nhờ em mới có lúa non,
Nếu em không nặn là hôn... eo ơi!
Sắc vào, thường gọi mẹ ơi,
Thêm “en” thành một giống người cao nguyên?*
(Chữ mạ, ma, má, mán)

Nghe đến *bánh* người nghe nghĩ ngay đến sự no đủ nhưng chỉ cần thay đổi cái dấu là chuyển ngay sang sự nổi giận của thiên nhiên hay tên một loài mãnh thú, đó chính là sự biến ảo khôn lường của “dấu” trong ngôn ngữ tiếng Việt. Ví dụ:

*Em là thứ bánh thường dùng,
Ngã vào, mưa gió đùng đùng nổi lên.
Bây giờ bỏ ngã sắc thêm,
Người người khiếp sợ là tên con gì?
Thêm huyền em hóa vật chi,
Mà người thợ mộc đôi khi thường dùng?*
(Chữ bao, bão, báo, bào)

*Tôi là một thứ bánh ngon,
Nặng vào dạn dĩ lại còn hung hăng.
Hỏi, ai nói đến thưa vâng,
Thêm ngã, cây đổ, mưa dầm, cát bay?*
(Chữ bao, bạo, bảo, bão)

Hay chỉ đơn giản là một dụng cụ học tập của học sinh
nhưng khi đổi dấu lại ra một loại bánh mà chợ quê hay bán:

*Tôi là bạn của học sinh,
Không đuôi, thỏ bé chúng mình ưa ghê.
Giữa là thứ bánh miền quê,
Rụng đầu thành kẻ sinh về rớt sau.*
(Chữ bút, bú, ú, út)

Một món ăn, một loại quả hay một vật dụng dù là rất
nhỏ cũng được đem ra làm vật để đố, dù rất đơn giản
nhưng nó lại hàm chứa bên trong tâm tư tình cảm và sự
am hiểu về phong tục truyền thống, đặc trưng văn hóa
vùng miền của người ra câu đố:

Là ca tôi hát cả ngày
Thêm huyền, người thích trái này dầm tương
Sắc vào thiếu muối thì ươn,
Hỏi thành lớn nhất nhìn nhường đàn em.
(Chữ ca, cà, cá, cả)

Tôi là thứ nước để chan,
Từ trên thêm sắc, bay tràn cung mây.
Hỏi ai chả thích nơi này,
Mang hoa mang lá trên cây nhờ huyền.
Nếu đeo tạ nặng liền bên,
Thành không ở giữa, ra miền biên khu.
(Chữ canh, cánh, cảnh, cành, cạnh)

Mang tên em gái cha tôi
Ngã vào thành bữa thịt xôi linh đình
Có huyền, to lớn thân hình
Hỏi vào để nối đầu mình với nhau.
(Chữ cô, cõ, cố, cồ)

Tôi do không khí mà thành,
Thêm huyền, thịt già để dành ăn ngon
Hỏi là lông nhốt gà con,
Không dấu củi cháy xác còn là chi?
(Chữ gió, giò, giở, gio)

Nguyên chất dùng để dán
Có huyền giữa mái nhà
Mang nặng thành món quà
Thêm sắc dùng cắt giấy
Đố bạn chữ gì đấy?
(Chữ keo, kẻo, kẹo, kéo)

*Em là bạn của thợ may,
Dùng để chia vải mỏng, dày tự do;
Thêm huyền, em cũng chẳng lo,
Thành một cây cứng, khá to giữa nhà;
Có nặng sẽ hóa món quà,
Trẻ con rất thích, người già ít ưa;
Không nặng thành đồ đựng dưa,
Đựng kiệu, đựng mít, giữa mùa xuân tươi?
(Chữ kéo, kẻo, kẹo, keo)*

*Nặng thêm vị ngọt
Sắc để cắt may
Huyền để bạn cột
Nguyên sẽ dính đây.
(Chữ kẹo, kéo, kẻo, keo)*

*Mang tên một trái giống chua,
Thêm huyền là món mọi nhà chấm xôi,
Nặng thành người để ra tôi,
Thêm “o”, huyền nữa, chuột thời tránh xa?
(Chữ me, mè, mẹ, mèo)*

b) Những câu đố mà lời giải đề cập tới nhóm động vật:

Nhóm câu đố này chúng tôi tổng kết thấy có các từ liên quan đến động vật: báo, cáo, cá, beo, bò, cáo, cây, cheo, chim, chó, cóc, gà cồ, công, cua, én, gấu, heo, hổ, nai, gà, trâu, sáo, thạch sùng, thỏ, trăn. Ví dụ:

*Đầu bò mà gắn đuôi heo
Ai mà thấy nó lăn queo tức thì*

Đầu trâu mà gắn đuôi nai
Trơ trơ như đá, không ai sợ nào.
(Chữ beo, trai)

Sống dưới nước thở bằng mang,
Thêm "t", với đất cùng làng khác tên,
Nằm từng bãi rộng triển miên,
Tâm thân khoáng chất ở bên sóng gào?
(Chữ cá, cát)

Là loài nham hiểm trên rừng
Chặt đuôi lặn xuống vẫy vùng hồ ao
Khi đầu bị mất nơi nao
Thành vải may cắt, khoác vào người em.
(Cáo, cá, áo)

Vốn loài thú bắt vịt, gà,
Mất đuôi xuống nước, hóa ra khác loài!
(Chữ cáo, cá)

Mình trên giống chuột rất hôi
Mình dưới là người trên bác, trên cha
Hợp nhau cùng ở một nhà
Làm nơi nuôi vịt, nhốt gà, thả heo.
(Chữ chù, ông, chuồng)

Tôi là em gái của cha
Thêm huyền là một chú gà oai nghi
Nếu giờ quăng chiếc mũ đi
Thành chim cao cổ, cẳng thì lêu nghêu.
(Chữ cô, cồ, cò)

*Em là chim ở rừng già
Cờ ra cháu gọi chồng bà là chi
Không mưa bỏ nón ra đi
Tìm hoa hút mật là gì hở anh?*
(Chữ công, ông, ong)

*Tôi là một giống bò ngang
Nếu thêm dấu hỏi, bạc vàng trong tay;
Mất "u" dấu sắc đến ngay,
Sinh vật dưới nước, hàng ngày lội bơi;
Huyền từ đâu bỗng tới nơi,
Trở thành quả đỏ ăn thời hơi chua.*
(Chữ cua, của, cá, cà)

*Em đây chính thật mười lăm
Đứt đuôi em hóa cặp răng voi già
Không "en" nuôi ở trong nhà
Hừng đông báo thức để ta làm đồng
Huyền đi bạn biết hay không
Ấy nơi xe lửa tập trung hàng ngày
Để dài đầu quá chán thay
Đứt đi, mẫu tự chữ này đầu tiên?*
(Chữ ngày, ngà, gà, ga, a)

*Vốn là con cóc bay cao
Mất đầu thành giống dưới ao ăn bùn!*
(Chữ cóc, ốc)

*Để nguyên giúp dân làm mùa
Huyền về ngõ "trái tim xanh"
Sắc đến vùi vào cạnh bếp
Mất đầu, tua tủa khắp cầm.*

(Chữ trâu, trâu, trấu, râu)

*Tôi là con vật đồng xanh,
Giúp người làm ruộng, quấn quanh cây cà,
Nửa mình trên chạt thặng tay,
Một châu xuất hiện ở ngay bản đồ.*

(Chữ trâu, âu)

*Không huyền hạt nhỏ mà cay,
Có huyền, vác búa đi ngay vào rừng.*

(Chữ tiêu, tiêu)

c) Những câu đố mà lời giải đề cập đến đồ vật

Những câu đố liên quan đến đồ vật gồm: con dao, cái cân, nôi (không tính cái mō, kéo, ná).

*Con dê ăn cỏ bờ ao
Be be dứt tiếng, té nhào giờ râu.*

(Chữ dao)

*Để nguyên ru bé ngủ
Huyền về nấu thức ăn
Sắc vào thành dài hẳn
Hỏi đến trôi khắp vùng.*

(Chữ nôi, nôi, nôi, nôi)

Bản khác:

*Tôi dùng ru ngủ trẻ em,
Huyền đến, tôi sẽ lọ lem quá trời.
Sắc thêm, ráp lại ai ơi,
Hỏi vào trôi dạt khi bơi là gì?*

(Chữ nôi, nôi, nôi, nôi)

d) Những câu đố mà lời giải đề cập đến cả động vật và thực vật

*Không huyền, vị của hạt tiêu,
Rừng có rất nhiều nếu đội mũ lên.
Thêm huyền chú chó mang tên,
Không “y-cơ-rêl” hát lên nghe nào.*

(Chữ cay, cây, cây, ca)

*Con gì nuôi để giữ nhà
Nếu đem bỏ sắc nghia là biểu ngay
Thêm huyền là loại gỗ dày
Dùng đóng bàn ghế, để bày ngò chơi.*

(Chữ chó, cho, chò)

*Bà già thì thích
Trẻ nít không ưa
Mất huyền, con vật cày bừa cho ta
Thiếu đầu là của ông già
Bay mũ thành thử dân ta ăn nhiều?*

(Chữ trâu, trâu, râu, rau)

Thân tôi ngẫm lại rất phiền
Trước nhờ hột lúa trong điền sinh ra
Người đời dập liểu vùi hoa
Sắc tôi phai lợt xem ra đọa đày
Đày tôi đi cấy đi cà
Quản bao mưa nắng, ngày dài đêm thâu
Thấy tôi năm tháng dãi dầu
Họ ban quyền tước, đề châu người ta
Các bà lời cổ tôi ra
Họ sơn, họ phết, họ chà, họ nhai
Thân tôi ai hỡi là ai
Sao mà thảm khổ đắng cay vô cùng.

(Chữ trâu, trâu)

Mang tên một thứ trái hay,
Sắc vào là thứ tài trai thường dùng,
Thêm "i" loài thú chạy nhanh,
Huyền trên, ngòi ngựa đi quanh đường đua.

(Chữ na, ná, nai, nài)